**BÀI 1**

**TIỂU THUYẾT VÀ TRUYỆN NGẮN**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực:**

- Nêu được ấn tượng chung về các văn bản đọc hiểu; nhận biết được một số yếu tố hình thức (bối cảnh, nhân vật, ngôi kể và sự thay đổi ngôi kể, ngôn ngữ vùng miền,…)

- Nhận biết được từ ngữ địa phương, đặc sắc ngôn ngữ vùng miền trong các văn bản đã học.

- Viết được bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.

- Biết trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống.

- Góp phần phát triển các năng lực chung: tự học, tự giải quyết vấn đề, khai thác và sử dụng internet.

**2. Phẩm chất:**

- Có tình yêu thương con người, biết chia sẻ, cảm thông với người khác và những cảnh ngộ éo le trong cuộc sống; có tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc và ý thức về trách nhiệm của công dân đối với đất nước.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, bảng con và phấn viết (hoặc giấy A0 và bút dạ),…

**2. Học liệu:**

- Giáo viên: SGK, SGV Ngữ văn 7 tập 1, sách bài tập, sách tham khảo về đọc hiểu mở rộng văn bản Ngữ văn 7, Phiếu học tập.

- Học sinh: Sách giáo khoa, sách hướng dẫn học tốt; Hoàn thành phiếu học tập mà GV đã giao chuẩn bị trước tiết học; Chuẩn bị giấy A0, bút màu, thước,…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Tiết 5, 6, 7. Đọc – hiểu văn bản (1)**

***Người đàn ông cô độc giữa rừng***

(Trích tiểu thuyết *Đất rừng phương Nam*)

– Đoàn Giỏi –

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về năng lực***

***\* Năng lực chung***

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm [1].

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà [2].

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản [3].

***\* Năng lực đặc thù***

- Nêu được ấn tượng chung về văn bản “Người đàn ông cô độc giữa rừng” [4].

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (bối cảnh, nhân vật, ngôi kể và sự thay đổi ngôi kể, ngôn ngữ vùng miền, …) và nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa,…) của văn bản “Người đàn ông cô độc giữa rừng” [5].

- Nhận biết được từ ngữ địa phương, đặc sắc ngôn ngữ vùng miền trong các văn bản đã học được thể hiện trong văn bản “Người đàn ông cô độc giữa rừng” [6].

- Viết được đoạn văn khát quát giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản “Người đàn ông cô độc giữa rừng” [7].

***2. Về phẩm chất:***Có tình yêu thương con người, biết cảm thông và chia sẻ với người khác.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập.

- Tranh ảnh về nhà văn Đoàn Giỏi và văn bản “Người đàn ông cô độc giữa rừng”.

- Các phiếu học tập (Phụ lục đi kèm).

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: Khởi động – Đặt vấn đề (5’)**

**a. Mục tiêu:** HS xác định được nội dung chính của văn bản đọc – hiểu từ phần khởi động.

**b. Nội dung:**

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi để hỏi HS, sau đó kết nối với nội dung của văn bản đọc – hiểu.

- HS quan sát video, suy nghĩ cá nhân, kết nối tri thức trong video với tri thức trong thực tiễn với nội dung bài học.

**c. Sản phẩm:** Cảm nhận của học sinh và lời chuyển dẫn của giáo viên.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- Quan sát video, chú ý hình ảnh người đàn ông sau và nêu cảm nhận ban đầu của em về người đàn ông trong ảnh qua đoạn video?

A picture containing person, outdoor

Description automatically generated

- Bật video trích đoạn bộ phim “Đất rừng phương Nam”.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS quan sát video, lắng nghe lời trong video và suy nghĩ cá nhân để trả lời câu hỏi.

- GVhướng dẫn HS quan sát video, có thể tạm dừng video để HS quan sát khung cảnh.

**B3: Báo cáo, thảo luận:**

GV chỉ định HS trả lời câu hỏi.

HS trả lời câu hỏi của GV.

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

- Nhận xét câu trả lời của HS cũng như ý kiến nhận xét của các em.

- Kết nối vào nội dung đọc – hiểu văn bản.

*Các em thân mến! Miền Tây Nam Bộ là một trong những vùng đất đã đi vào trong rất nhiều tác phẩm văn học. Ở đó ta bắt gặp không chỉ khung cảnh thiên nhiên thơ mộng, trữ tình mang nét riêng của miền Tây Nam Bộ mà người đọc còn cảm nhận được những nét đẹp tâm hồn của con người nơi đây. Văn bản “Người đàn ông cô độc giữa rừng” trích tiểu thuyết “Đất rừng phương Nam” của nhà văn Đoàn Giỏi mà hôm nay cô và các em đi tìm hiểu sẽ cho chúng ta cảm nhận rất rõ nét đẹp đó của con người miền Tây Nam Bộ được thể hiện qua nhân vật Võ Tòng.*

**2. HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức mới (114’)**

**2.1. Tri thức đọc – hiểu**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu:** [2]; [3]; [5]  **Nội dung:**  GV sử dụng KT chia sẻ nhóm đôi.  HS dựa vào sơ đồ tư duy đã chuẩn bị ở nhà để hoàn thành nhiệm vụ nhóm. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm cặp đôi  - Các cặp đôi trao đổi sản phẩm đã chuẩn bị cho nhau để cùng nhau trao đổi về sơ đồ tư duy đã chuẩn bị từ ở nhà, có thể chỉnh sửa nếu cần thiết.  *? Tính cách nhân vật thường được thể hiện ở những phương diện nào?*  *? Bối cảnh trong truyện là gì?*  *? Nêu tác dụng của việc thay đổi ngôi kể trong tác phẩm tự sự?*  *? Em hiểu thế nào là ngôn ngữ vùng miền?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát phiếu học tập của bạn, cùng nhau chia sẻ, trao đổi và thống nhất ý kiến.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu 1 vài cặp đôi báo cáo sản phẩm.  - HS đại điện cặp đôi trình bày sản phẩm. Các cặp đôi còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo.  **B4: Kết luận, nhận định**  HS: Những cặp đôi không báo cáo sẽ làm nhiệm vụ nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).  GV:  - Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các cặp đôi.  - Chốt kiến thức trên các slide và chuyển dẫn sang mục sau. | **1. Tính cách nhân vật, bối cảnh**  **- Tính cách nhân vật:** Thường được thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, suy nghĩ của nhân vật; qua nhận xét của người kể chuyện và các nhân vật khác.  **- Bối cảnh trong truyện** thường chỉ hoàn cảnh xã hội của một thời kì lịch sử nói chung (bối cảnh lịch sử); thời gian và địa điểm, quang cảnh cụ thể xảy ra câu chuyện (bối cảnh riêng); …  **2. Tác dụng của việc thay đổi ngôi kể**  Một câu chuyện có thể linh hoạt thay đổi ngôi kể để việc kể được linh hoạt hơn…  **3. Ngôn ngữ các vùng miền**  - Tiếng Việt là ngôn ngữ quốc gia của Việt Nam, vừa có tính thống nhất cao, vừa có tính đa dạng. Tính đa dạng tiếng Việt thể hiện ở mặt ngữ âm và từ vựng:  + **Về ngữ âm**: một từ ngữ có thể được phát âm không giống nhau ở các vùng miền khác nhau.  + **Về từ vựng**: Các vùng miền khác nhau đều có từ ngữ mang tính địa phương. |

**2.2. Đọc – hiểu văn bản (…’)**

|  |  |
| --- | --- |
| **I. ĐỌC VÀ TÌM HIỂU CHUNG (…’)** | |
| **Mục tiêu:** [1]; [2]; [3]; [4]; [5]  **Nội dung:**  GV sử dụng KT sơ đồ tư duy để khai thác phần tìm hiểu chung.  HS dựa vào sơ đồ tư duy đã chuẩn bị ở nhà để hoàn thành nhiệm vụ nhóm. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **1. Tác giả**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm cặp đôi  - Các cặp đôi trao đổi sản phẩm đã chuẩn bị cho nhau để cùng nhau trao đổi về sơ đồ tư duy đã chuẩn bị từ ở nhà, có thể chỉnh sửa nếu cần thiết.  **A picture containing graphical user interface  Description automatically generated**  Phiếu học tập số 1  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát phiếu học tập của bạn, cùng nhau chia sẻ, trao đổi và thống nhất ý kiến.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu 1 vài cặp đôi báo cáo sản phẩm.  - HS đại điện cặp đôi trình bày sản phẩm. Các cặp đôi còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo.  **B4: Kết luận, nhận định**  HS: Những cặp đôi không báo cáo sẽ làm nhiệm vụ nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).  GV:  - Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các cặp đôi.  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau.  **2. Tác phẩm**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **a. Đọc**  - Hướng dẫn đọc nhanh.  + Đọc giọng to, rõ ràng và lưu loát.  + Thể hiện rõ giọng điệu và ngôi kể thứ nhất (lời kể của cậu bé An).  - Hướng dẫn cách đọc chậm (đọc theo thẻ).  + Đọc thẻ trước, viết dự đoán ra giấy.  + Đọc văn bản và đối chiếu với sản phẩm dự đoán.  - Cho học sinh thực hành đọc văn bản theo hướng dẫn.  **b. Yêu cầu HS tiếp tục quan sát phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà và trả lời các câu hỏi còn lại**  *? Văn bản “Người đàn ông cô độc giữa rừng” viết về ai và về sự việc gì?*  *? Văn bản được trích dẫn từ tác phẩm nào của nhà văn Đoàn Giỏi?*  *? Văn bản thuộc thể loại gì?*  *? Dựa vào tri thức Ngữ văn hãy cho biết nhân vật chính trong văn bản này là ai?*  *? Văn bản sử dụng những ngôi kể nào? Nêu tác dụng của từng ngôi kể?*  *? Có thể chia văn bản này ra làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  GV:  1. Hướng dẫn HS cách đọc và tóm tắt.  2. Theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần).  HS:  1. Đọc văn bản, các em khác theo dõi, quan sát bạn đọc.  2. Xem lại nội dung phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  GV yêu cầu HS trả lời, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần).  HS:  - Trả lời các câu hỏi của GV.  - HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái đọc tập qua sự chuẩn bị của HS bằng việc trả lời các câu hỏi.  - Chốt kiến thức, cung cấp thêm thông tin (nếu cần) và chuyển dẫn sang đề mục sau. | **1. Tác giả**  A person wearing glasses  Description automatically generated with medium confidence  - Đoàn Giỏi (1925 – 1989)  - Quê: Tiền Giang  - Ông nổi tiếng với tiểu thuyết “Đất rừng phương Nam” viết cho lứa tuổi thiếu nhi, được tái bản rất nhiều lần và dịch ra nhiều tiếng nước ngoài.  **Diagram  Description automatically generated with medium confidence**  **2. Tác phẩm**  ***a. Đọc và tóm tắt***  - Đọc  - Tóm tắt  ***b. Tìm hiểu chung***  - **Bối cảnh:** là các tỉnh Tây Nam, vào năm 1945, sau khi thực dân Pháp trở lại xâm chiếm miền Nam.  - **Xuất xứ:** trích từ chương X của tiểu thuyết *Đất rừng phương Nam*.  - **Thể loại:** tiểu thuyết  - **Nhân vật chính:** Võ Tòng  - **Ngôi kể:** ngôi thứ nhất và ngôi thứ 3 (có sự chuyển đổi ngôi kể)  **- Mạch truyện:** *Hiện tại* (phần 1, 2 – hình ảnh chú Võ Tòng hiện lên qua cái nhìn của “tôi”) 🡪 *quá khứ* (phần 3 – hồi tưởng về lai lịch, cảnh ngộ của chú Võ Tòng) 🡪 *hiện tại* (phần 4, 5).  - **Bố cục:** 2 phần  + Phần 1: Người đàn ông cô độc giữa rừng qua ngôi kể thứ nhất.  + Phần 2: Người đàn ông cô độc giữa rừng qua ngôi kể thứ ba.  Diagram  Description automatically generated with medium confidence |
| **Sản phẩm tổng hợp:**  **Diagram, text, chat or text message  Description automatically generated** | |
| **II. ĐỌC & TÌM HIỂU CHI TIẾT VB (…’)** | |
| **1. Nhan đề của văn bản** | |
| **Mục tiêu:** Giúp HS hiểu được nhan đề và ý nghĩa nhan đề của văn bản  **Nội dung:**  GV sử dụng KT tia chớp kết hợp với KT đặt câu hỏi để tìm hiểu về nhan đề của văn bản.  HS suy nghĩ và làm việc cá nhân để trả lời câu hỏi của giáo viên. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  *? Nhan đề của văn bản gợi cho em suy nghĩ gì?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS đọc nhan đề văn bản và suy nghĩ cá nhân.  GV hướng dẫn HS tìm hiểu bằng cách đặt các câu hỏi phụ (nếu HS không trả lời được).  *? Người đàn ông nói đến ai?*  *? Cô độc là sống với những ai?*  *? Giữa rừng gợi không gian ở đâu?*  **B3: Báo cáo thảo luận**  GV yêu cầu một vài HS trình bày cảm nhận của mình về nhan đề văn bản.  HS trả lời câu hỏi của GV, những HS còn lại theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét câu trả lời và câu nhận xét của HS.  - Chốt nội dung (sản phẩm).  - Chuyển dẫn sang nội dung sau. | *“****Người đàn ông cô độc giữa rừng****”*  - *Người đàn ông*: nhân vật chính  - *cô độc*: hoàn cảnh sống một mình  - *giữa rừng*: không gian sống  🡪 Gợi tả về một người đàn ông đặc biệt, gây sự chú ý và tò mò đối với độc giả. |
| **2. Võ Tòng qua lời kể theo ngôi kể thứ nhất (20’)** | |
| **Mục tiêu:** [1]; [2]; [3]; [7]  **Nội dung:**  GV sử dụng KT khăn phủ bàn để tìm hiểu về nhân vật Võ Tòng qua điểm nhìn của ngôi kể thứ nhất.  HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành phiếu học tập và trình bày sản phẩm. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm lớp.  - Giao nhiệm vụ: hoàn thiện phiếu học tập số 2 bằng cách trả lời các câu hỏi 1, 2, 3.  - Thời gian: 7 phút  PBT 2: Có thể cho HS hoàn thiện bảng sau đây:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Phương diện | **Chi tiết** | **Nhận xét** | | **Nơi ở** |  |  | | **Ngoại hình** |  |  | | **Lời nói và hành động** |  |  | | **=> Nhận xét chung:** | | |   Hoặc phát phiếu như hình minh họa bên dưới:  Graphical user interface, text, application  Description automatically generated  ***Dự kiến tình huống khó khăn***: HS gặp khó khăn trong câu hỏi số 3.  **Tháo gỡ**: (GV gợi ý HS bằng cách hướng dẫn các em đọc đoạn văn: “*có lẽ bố chúng nói đúng… bắt đầu mùa sinh nở của chúng*.”)  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS:  - Quan sát những chi tiết trong SGK (GV đã chiếu trên màn hình).  - Đọc đoạn văn: “*có lẽ bố chúng nói đúng… bắt đầu mùa sinh nở của chúng*”).  GV hướng dẫn HS chú ý đoạn 1 (đặc biệt là đoạn văn: “*có lẽ bố chúng nói đúng… bắt đầu mùa sinh nở của chúng*”.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  GV:  - Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  HS:  - Đại diện một nhóm trình bày sản phẩm.  - HS còn lại theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét câu trả lời của HS.  - Chốt kiến thức, bình giảng và chuyển dẫn sang mục sau. | **Nơi ở:**  - Sống trong một túp lều ở giữa rừng, những khúc gỗ xếp thành bậc thang dài xuống bến.  - Tía nuôi An và chú Võ Tòng ngồi trên hai gộc cây, trước mặt là một cái bếp cà ràng đặt giữa lều.  - Chú sống cùng con vượn bạc má.  🡪 NT: miêu tả  🡪 Những câu văn miêu tả nơi ở, cách bài trí trong nhà, thói quen sinh hoạt gợi ra không gian sống đơn sơ, có phần hoang dã; hoàn cảnh sống cô độc, bầu bạn với thú rừng.  **Ngoại hình:**  - Cởi trần.  - Mặc chiếc quần ka ki còn mới nhưng lâu không giặt.  - Bên hông đeo lủng lẳng một lưỡi lê nằm gọn trong vỏ sắt.  - Thắt cái xanh-tuya-rông.  🡪 NT: miêu tả  🡪 Gợi hình ảnh một người đàn ông rắn rỏi, mộc mạc, giản dị.  **Lời nói và hành động:**  **- *Lời nói, cách xưng hô*:**  + **Với An** (gọi An là “chú em” và xưng là “qua”): “Ngồi xuống đây, chú em!”; “Nhai bậy một miếng khô nai đi, chú em...”; “Chú em cầm hộ lọ muối chỗ vách kia đưa giùm qua chút!”; … 🡪 thể hiện sự **thân mật, suồng sã.**  + **Với tía nuôi An** (gọi tía nuôi An là “anh Hai”, xưng “tôi): “Thằng bé của anh nó đến đấy!”; “Tôi quý anh Hai là bậc can trường…”; “Có gì đâu anh Hai. Vì nghĩa chung mà!”; … 🡪 thể hiện sự **thân tình** nhưng vẫn giữ được **lễ độ**.  **- *Hành động*:**  + **Với tía nuôi A**n: Rót rượu ra bát, uống một ngụm, trao bát sang cho tía nuôi “tôi”; nhắc lại chuyện không cần tới súng mà vẫn có thể giết giặc, làm giặc hoảng sợ; tin tưởng trao chiếc nỏ và ống tên thuốc cho tía nuôi An để giết giặc.  + **Với An**: Mời An ăn khô nai; hứa hẹn bắt cho An một chú thú rừng, vẫy tay, cười lớn một thôi dài.  ***=> Võ Tòng là một người thân thiện, cởi mở, chân thành, dễ mến, mạnh mẽ, dũng cảm và yêu nước, căm thù giặc*** ***Pháp, căm thù lũ hèn nhát, đốn mạt.*** |
| **3. Võ Tòng qua lời kể theo ngôi thứ ba (…’)** | |
| **Mục tiêu:** [1]; [2]; [3]; [8]  **Nội dung:**  GV sử dụng KT đặt câu hỏi, KT thảo luận cặp đôi để HS tìm hiểu về cuộc trò chuyện giữa Mên và Mon ở phần 2.  HS làm việc cá nhân, thảo luận cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo sản phẩm. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  *1. Chỉ ra dấu hiệu chuyển đổi ngôi kể của đoạn 3?*  *2.**Vì sao người đàn ông sống cô độc trong rừng lại có tên gọi Võ Tòng?*  *3. Vì sao Võ Tòng lại đến ở một mình trong khu rừng?*  *4. Qua lời kể của ngôi thứ ba, em có nhận xét gì về nhân vật Võ Tòng?*  *5. Trao đổi và chia sẻ để hoàn thiện PBT số 3.*  Chart, treemap chart  Description automatically generated  Phiếu học tập số 3  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS: đọc ngữ liệu trong SGK (đoạn 3), suy nghĩ cá nhân để trả lời câu hỏi.  GV:  - **Dự kiến KK**: HS khó trả lời câu hỏi số 1.  - **Tháo gỡ KK**: GV nói thêm về nhân vật Võ Tòng trong truyên.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  GV:  - Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  HS:  - Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ làm việc, ý kiến nhận xét và sản phẩm của các nhóm.  - Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang nội dung sau. | **a. Nguồn gốc tên gọi “*Võ Tòng*”**  - Do giết hổ chúa trong rừng. “Không biết có phải do đấy mà gã mang tên Võ Tòng hay không?”.  - “Những người đa sự quả quyết rằng chính gã đã mang tên Võ Tòng từ lúc xách dao đến nhà việc chịu tội”.  **b. Lai lịch của Võ Tòng**  - Ngày xưa là một gã đàn ông hiền lành, có gia đình đàng hoàng và “quý vợ rất mực”.  - Vì chiều vợ, đào măng cho vợ ăn khi vợ mang bầu nên bị tên địa chủ đánh vào đầu, vung dao chém vào mặt tên địa chủ.  - Không trốn chạy mà đường hoàng xách dao đến ném trước nhà việc, bó tay chịu tội.  - Trở về sau mười năm tù đày, vợ đã làm lẽ tên địa chủ, con trai độc nhất đã chết. “Gã chỉ kêu trời một tiếng rồi cười nhạt bỏ làng ra đi”.  - Hơn mười năm sống trơ trọi giữa rừng, nhiều người đánh tiếng mai mối nhưng gã không để mắt tới ai.  **c. Ngoại hình, tính cách**  ***Ngoại hình:*** thể hiện sự phong trần:  - Trên mặt có “một hàng sẹo khủng khiếp chạy từ thái dương xuống cổ” bởi cái tát của con hổ chúa trước khi chết.  - Trên người có “những chữ bùa xanh lè xăm rằn rực”.  - Ở trong rừng lâu, gã ngày càng trở nên “kì hình dị tướng”.  ***Tính cách:*** chất phác, thật thà, lúc nào cũng sẵn sàng giúp đỡ mọi người mà không hề nghĩ đến chuyện người ta có đền đáp lại mình không.  🡪 NT: kể, tả, sử dụng ngôi kể thứ ba để tạo điểm nhìn khách quan.  => ***Võ Tòng là người đàn ông có số phận bất hạnh, đáng thương; giỏi võ; tính tình ngay thẳng, cương trực, khảng khái, gan dạ và rất tự trọng.***  **KẾT LUẬN:** Việc kết hợp giữa lời kể theo ngôi thứ nhất (cậu bé An xưng “tôi”, gọi Võ Tòng là “chú”) với lời kể theo ngôi thứ ba (gọi Võ Tòng là “gã”) không chỉ làm cho việc kể chuyện được linh hoạt hơn mà còn giúp cho việc khắc họa chân dung, tính cách nhân vật Võ Tòng được khách quan, chân thực hơn ở nhiều góc nhìn khác nhau (cả trực tiếp và gián tiếp). |
| **III. TỔNG KẾT (…’)** | |
| **Mục tiêu:** [1]; [2]; [8]  **Nội dung:**  - GV sử dụng KT chia sẻ nhóm đôi để khái quát giá trị nghệ thuật và nội dung của VB.  - HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm và báo cáo sản phẩm. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1 Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm theo bàn.  - Giao nhiệm vụ cho các nhóm:  *? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản?*  *? Nội dung chính của văn bản “Người đàn ông cô độc giữa rừng”?*  *? Qua giờ học, em rút ra bài học gì khi khám phá một tác phẩm tự sự? Đặc biệt là khi đi tìm hiểu nhân vật?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.  GV hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  HS báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần).  GV hướng dẫn và yêu cầu HS trình bày, nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.  - Nhận xét và chốt sản phẩm lên Slide. | **1. Nội dung**  Khắc họa nhân vật Võ Tòng với tính cách cương trực, dũng cảm, hào hiệp.  (Văn bản kể về cuộc gặp gỡ của cậu bé An với chú Võ Tòng – một người đàn ông cô độc giữa rừng U Minh vùng Tây Nam Bộ. Qua đó, người đọc cảm nhận được chú Võ Tòng không chỉ là người giản dị, mộc mạc, chân thành mà còn là người thẳng thắn, bộc trực, giàu lòng yêu nước, căm thù giặc. Đây cũng chính là nét đẹp của người dân miền Tây Nam Bộ thời bấy giờ.)  **2. Nghệ thuật**  - Phối hợp hai loại ngôi kể.  - Sử dụng ngôn ngữ mang đậm màu sắc Nam Bộ.  **3. Lưu ý khi phân tích nhân vật trong tác phẩm tự sự**  ***a) Về ngôi kể***  Vai trò của từng ngôi kể, đặc biệt là sự chuyển đổi ngôi kể trong tác phẩm đem đến khả năng di chuyển điểm nhìn nghệ thuật, đồng thời mang đến sự linh hoạt trong lời kể.  ***b) Khi tìm hiểu về nhân vật***  Chú ý các phương diện sau: Lai lịch; Ngoại hình; Tính cách; Ngôn ngữ (lời nói); Hành động; Suy nghĩ; v.v… |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: Luyện tập (16’)**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

**b. Nội dung:** HS hoạt động cá nhân làm bài tập của GV giao.

**c. Sản phẩm:** Câu 1: A; Câu 2: D; Câu 3: D; Câu 4: C

**d. Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

**Câu 1**: Văn bản “Người đàn ông cô độc giữa rừng” được sáng tác trong hoàn cảnh nào?

A. Đất rừng phương Nam B. Ngọn tầm vông

C. Từ đất Tiền Giang D. Sông nước Cà Mau

**Câu 2**: Văn bản “Người đàn ông cô độc giữa rừng” sử dụng ngôi kể nào?

A. Ngôi kể thứ nhất B. Ngôi kể thứ hai

C. Ngôi thứ ba D. Ngôi kể thứ nhất và thứ ba

**Câu 3**: Qua ngôi kể thứ nhất, Võ Tòng hiện lên là một nhân vật như thế nào?

A. Là một người đàn ông hiền lành, thật thà.

B. Là một người cởi mở, hiếu khách.

C. Là một người chân thành, mộc mạc

D. Là một người mộc mạc, giản dị, chân thành, cởi mở và yêu nước, căm thù giặc

**Câu 4**: Qua ngôi kể thứ ba, Võ Tòng hiện lên là một nhân vật như thế nào?

A. Là một người đàn ông hiền lành, thật thà.

B. Là một người cởi mở, hiếu khách.

C. Là người đàn ông hiền lành, khỏe mạnh, tính tình bộc trực, có chí khí nhưng số phận lại vô cùng bất hạnh.

D. Là một người yêu nước, căm thù giặc.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

GV: Chiếu bài tập.

HS: Đọc yêu cầu của bài và lựa chọn đáp án.

**B3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV yêu cầu HS lựa chọn đáp án.

- HS trả lời, các em còn lại theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số hoặc bằng cách chốt đáp án đúng.

**4. HOẠT ĐỘNG 4: Vận dụng** *(có thể giao cho HS về nhà làm)*

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

**b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm:** Đoạn văn của học sinh (Sau khi đã được GV góp ý, nhận xét và chỉnh sửa).

**d. Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ** **(GV)**

*? Viết một đoạn văn nêu cảm nhận của em về nhân vật Võ Tòng?*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

GV gợi ý cho HS bằng việc bám sát văn bản (đặc biệt là những chi tiết kể/ tả về Võ Tòng…).

HS đọc lại văn bản, suy nghĩ cá nhân và viết đoạn văn.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm trên zalo nhóm hoặc trên Padlet.

HS nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có) trên zalo nhóm lớp/môn…

**DẶN DÒ:** Về học kĩ nội dung của bài học và đọc, chuẩn bị trước bài “Buổi học cuối cùng”.

**Tiết 8, 9. Đọc – hiểu văn bản (2)**

***Buổi học cuối cùng***

(*Chuyện kể của một em bé người An-dát*)

– An-phông-xơ Đô-đê –

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về năng lực***

***\* Năng lực chung***

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

***\* Năng lực đặc thù***

- Nêu được ấn tượng chung về văn bản “Buổi học cuối cùng”.

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (bối cảnh, nhân vật, ngôi kể và sự thay đổi ngôi kể, ngôn ngữ vùng miền, …) và nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa,…) của văn bản.

- Viết được đoạn văn khát quát giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản.

***2. Về phẩm chất***

- Có tình yêu với tiếng mẹ đẻ, tình yêu quê hương đất nước.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập.

- Các phiếu học tập (Phụ lục đi kèm).

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: Khởi động – Đặt vấn đề (5’)**

**a. Mục tiêu:** HS xác định được nội dung chính của văn bản đọc – hiểu từ phần khởi động.

**b. Nội dung:**

GV sử dụng KT đặt câu hỏi để hỏi HS, sau đó kết nối với nội dung của văn bản đọc – hiểu.

HS quan sát video, suy nghĩ cá nhân, kết nối tri thức trong video với tri thức trong thực tiễn với nội dung bài học.

**c. Sản phẩm:** Cảm nhận của học sinh và lời chuyển dẫn của giáo viên.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

GV cho HS nghe một đoạn bài hát Thương ca tiếngViệt:

<https://www.youtube.com/watch?v=0m-UM6KlMoM>

- Ca từ bài hát cho em hiểu điểu gì?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS quan sát video, lắng nghe lời bài hát trong video và suy nghĩ cá nhân để trả lời câu hỏi của GV.

GV hướng dẫn HS quan sát video, có thể tạm dừng video để HS quan sát khung cảnh.

**B3: Báo cáo, thảo luận:**

GV chỉ định HS trả lời câu hỏi.

HS trả lời câu hỏi của GV.

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

- Nhận xét câu trả lời của HS cũng như ý kiến nhận xét của các em.

- Kết nối vào nội dung đọc – hiểu văn bản.

- GV dẫn dắt: *Với mỗi dân tộc, ngôn ngữ là tinh hoa, là hồn cốt của ngàn đời truyền lại, thậm chí là yếu tố quyết định đến sự còn- mất của dân tộc. Điều này không chỉ đúng với dân tộc ta mà đúng với nhiều dân tộc khác, đất nước khác. Nhà văn người Pháp An-phông- xơ Đô- đê đã thể hiện nội dung này trong đoạn trích "Buổi học cuôi cùng" trích trong tác phẩm “Chuyện của một em bé người An-dát.”*

**HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **I. ĐỌC & TÌM HIỂU CHUNG** | |
| **Mục tiêu:** Đọc, kể tóm tắt ...  **Nội dung:**  GV sử dụng KT thảo luận nhóm đôi phần tìm hiểu chung.  HS dựa vào việc chuẩn bị ở nhà để trình bày đôi nét về tác giả. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **1. Tác giả**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm cặp đôi  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS, cùng nhau chia sẻ, trao đổi những hiểu biết về tác giả.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu 1 vài cặp đôi báo cáo sản phẩm.  - HS đại điện cặp đôi trình bày sản phẩm. Các cặp đôi còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo.  **B4: Kết luận, nhận định**  HS: Những cặp đôi không báo cáo sẽ làm nhiệm vụ nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).  GV:  - Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các cặp đôi.  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau.  **2. Tác phẩm**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  a. Đọc  - Hướng dẫn đọc nhanh.  GV hướng dẫn HS đọc truyện: Đọc giọng chậm, xót xa cảm động, day dứt. Lời nói của thầy Ha-men đọc dịu dàng, buồn.  - GV đọc mẫu => học sinh đọc.  - Hướng dẫn cách đọc chậm (đọc theo thẻ).  + Đọc thẻ trước, viết dự đoán ra giấy.  + Đọc văn bản và đối chiếu với sản phẩm dự đoán.  - Cho học sinh thực hành đọc văn bản theo hướng dẫn.  b. Yêu cầu HS tiếp tục quan sát **phiếu học tập** đã chuẩn bị ở nhà và trả lời các câu hỏi còn lại:  Graphical user interface, text, application, chat or text message  Description automatically generated  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - GV:  1. Hướng dẫn HS cách đọc và tóm tắt.  2. Theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần).  - HS:  1. Đọc văn bản, các em khác theo dõi, quan sát bạn đọc.  2. Xem lại nội dung phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  GV yêu cầu HS trả lời, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần).  HS:  - Trả lời các câu hỏi của GV.  - HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái đọc tập qua sự chuẩn bị của HS bằng việc trả lời các câu hỏi.  - Chốt kiến thức, cung cấp thêm thông tin (nếu cần) và chuyển dẫn sang đề mục sau. | **1. Tác giả**  Alphonse Daudet Biography - Childhood, Life Achievements ...  - An-phông-xơ Đô-đê (1840-1897), nhà văn Pháp.  - Có cuộc đời đầy biến động.  - Tác giả của nhiều tập truyện nổi tiếng.  **2. Tác phẩm**  **a) Đọc và tóm tắt**  - Đọc  - Tóm tắt:  *Câu chuyện về buổi học cuối cùng bằng tiếng Pháp đầy xúc động giữa thầy trò và người dân ở vùng đất bị quân Phổ chiếm đóng. Theo lời kể của cậu bé Phrăng ham chơi, không khí của buổi học hôm ấy thật khác lạ, thấm đẫm tình yêu tiếng nói dân tộc.*  **b) Tìm hiểu chung**  - **Bối cảnh**: Các sự việc trong truyện diễn ra tại lớp học vùng An-dát ở Pháp, sau cuộc chiến tranh Pháp – Phổ, nước Pháp phải cắt vùng đất An-dát cho nước Phổ.  - **Xuất xứ**: In trong quyển 3 tuyển tập truyện ngắn chọn lọc “Những vì sao” (1873).  - **Thể loại**: Truyện ngắn  - **Nhân vật chính:** Cậu bé Phrăng, thầy Ha-men  - **Ngôi kể**: Ngôi thứ nhất  - **Bố cục**: Ba phần:  + P1: Từ đầu đến “mà vắng mặt con”: Quang cảnh trên đường đến trường và quang cảnh ở trường qua sự quan sát của Phrăng.  + P2: Tiếp đến “buổi học cuối cùng này”: Diến biến buổi học cuối cùng.  + P3: Còn lại: Cảnh kết thúc buổi học cuối cùng. |
| **II. II. ĐỌC & TÌM HIỂU CHI TIẾT VB** | |
| **1. Nhan đề của văn bản** | |
| **Mục tiêu:** Giúp HS hiểu được nhan đề và ý nghĩa nhan đề của văn bản  **Nội dung:**  GV sử dụng KT tia chớp kết hợp với KT đặt câu hỏi để tìm hiểu về nhan đề của văn bản.  HS suy nghĩ và làm việc cá nhân để trả lời câu hỏi của giáo viên. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  *? Nhan đề của văn bản gợi cho em suy nghĩ gì?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS đọc nhan đề văn bản và suy nghĩ cá nhân  GV hướng dẫn HS tìm hiểu bằng cách đặt các câu hỏi phụ (nếu HS không trả lời được).  *? Không khí buổi học có gì đặc biệt?*  *? Những điều khác lạ đó báo hiệu điều gì?*  **B3: Báo cáo thảo luận**  GV yêu cầu một vài HS trình bày cảm nhận của mình về nhan đề văn bản.  HS trả lời câu hỏi của GV, những HS còn lại theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét câu trả lời và câu nhận xét của HS  - Chốt nội dung (sản phẩm).  - Chuyển dẫn sang nội dung sau. | Tên truyện: “***Buổi học cuối cùng”***: buổi học cuối cùng được học bằng tiếng Pháp và không còn buổi học nào như thế nữa.  🡪 **Gợi sự tiếc nuối, xót xa.** |
| **2. Nhân vật Phrăng** | |
| **Mục tiêu**: [1]; [2]; [3]; [7]  **Nội dung**:  **HS** làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành phiếu học tập và trình bày sản phẩm. | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm lớp.  - Giao nhiệm vụ: hoàn thiện phiếu học tập số 2.  **Graphical user interface  Description automatically generated with medium confidence**  - Thời gian: 7 phút  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS  - Quan sát những chi tiết trong SGK (GV đã chiếu trên màn hình).  - Đọc đoạn văn:  **B3: Báo cáo, thảo luận**  GV:  - Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  HS:  - Đại diện một nhóm trình bày sản phẩm.  - HS còn lại theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét câu trả lời của HS.  - Chốt kiến thức, bình giảng và chuyển dẫn sang mục sau. | **a. Trước giờ học**  - Định trốn nhưng cưỡng lại được.  - Trên đường đến trường thấy nhiều người tập trung trước trụ sở xã.  - Khi tới lớp thấy thầy Ha men không mặc lễ phục, không trách mắng, cuối lớp cả dân làng ngồi dự, không khí buổi học yên ắng, khác thường.  **🡪 Tâm trạng lo sợ, ngạc nhiên.**  **b. Trong giờ học**  - Khi biết đây là buổi học cuối cùng → Choáng váng.  - Tự giận chính mình đã lười học, ham chơi → ân hận, tiếc nuối.  - Coi sách như người bạn cố tri → đau lòng vì phải giã từ.  - Không thuộc bài → xấu hổ.  - Thấm thía lời thầy, chăm chú nghe giảng, kinh ngạc vì hiểu bài.  **c. Kết thúc buổi học**  Cảm phục, nhận ra tình cảm của thầy đối với học sinh, với ngôn ngữ dân tộc và biết ơn thầy.  🡪 NT: miêu tả tâm lí nhân vật tinh tế, đặc sắc.  ***=> Phrăng là một cậu bé hồn nhiên, ham chơi nhưng cũng rất nhạy cảm, tinh tế, yêu tiếng nói dân tộc, yêu kính thầy.*** |
| **3. Nhân vật thầy Ha- men** | |
| **Mục tiêu:** [1]; [2]; [3]; [8]  **Nội dung:**  GV sử dụng KT đặt câu hỏi, KT thảo luận cặp đôi để HS tìm hiểu về nhân vật thầy Ha-men.  HS làm việc cá nhân, thảo luận cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo sản phẩm. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  *- Thầy Ha- men được miêu tả qua những phương diện nào? Qua đó em cảm nhận thầy là người như thế nào?*  Yêu cầu học sinh hoàn thành phiếu học tập.  **PHIẾU HỌC TẬP:**  **Nhân vật thầy Ha-men**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Trang phục | Thái độ (với HS) | Lời nói  (về tiếng Pháp) | Hành động, cử chỉ (cuối buổi học) | |  |  |  |  | |  |  |  |  | |  |  |  |  |   **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS: hoàn thiện phiếu học tập theo nhóm.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  GV:  - Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  HS - Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ làm việc, ý kiến nhận xét và sản phẩm của các nhóm.  - Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang nội dung sau. | **- Trang phục:** Thầy mặc áo rơ đanh gốt màu xanh lục, diềm lá sen gấp nếp mịn, đội mũ tròn bằng lụa đen thêu.  **🡪** đẹp và trang trọng.  **- Thái độ đối với học sinh:**  **+** lời lẽ nhẹ nhàng, nhắc nhở.  + nhiệt tình và kiên nhẫn, ân cần giảng bài như muốn truyền hết hiểu biết của mình cho học sinh.  **🡪** dịu dàng, yêu thương học sinh.  **- Lời nói về việc học tiếng Pháp:** “đó là ngôn ngữ hay nhất, trong sáng nhất, vững vàng nhất, phải giữ lấy nó, đừng bao giờ quên nó….”.  **🡪** Hình ảnh so sánh khẳng định giá trị thiêng liêng và sức mạnh to lớn của tiếng nói dân tộc trong cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền độc lập, tự do → ca tụng, tôn vinh.  **- Hành động, cử chỉ lúc buổi học kết thúc:**  + xúc động, nghẹn ngào, không nói nên câu.  + người tái nhợt.  + dằn từng nét chữ: “NƯỚC PHÁP MUÔN NĂM”.  **🡪**Hành động đau đớn, xúc động.  🡪 NT: so sánh, miêu tả.  ***=> Thầy là người yêu nghề dạy học, yêu tiếng mẹ đẻ, yêu nước sâu sắc.*** |
| Các nhân vật khác trong lớp có tâm trạng như thế nào? | **\* Các nhân vật khác**  - Dân làng ngồi phía cuối lớp lặng lẽ và buồn rầu.  - Cụ già Hode nâng niu quyển tập đánh vần, tập đọc theo lũ trẻ, giọng run run.  - Học trò chăm chú nghe giảng, cặm cụi tập viết, muốn khóc.  ***🡪 Ai nấy đều xúc động, nuối tiếc.*** |
| **III. TỔNG KẾT (…’)** | |
| **Mục tiêu:** [1]; [2]; [8]  **Nội dung:**  - GV sử dụng KT chia sẻ nhóm đôi để khái quát giá trị nghệ thuật và nội dung của văn bản…  - HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm và báo cáo sản phẩm. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1 Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm theo bàn.  - Giao nhiệm vụ cho các nhóm:  *Tổng kết nội dung văn bản bằng sơ đồ tư duy?*  *Qua giờ học, em rút ra bài học gì khi khám phá một tác phẩm tự sự? Đặc biệt là khi đi tìm hiểu nhân vật?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.  GV hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  HS báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần).  GV hướng dẫn và yêu cầu HS trình bày, nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.  - Nhận xét và chốt sản phẩm lên Slide. | Diagram  Description automatically generated  **1. Nội dung**  - Qua câu chuyện và hình ảnh cảm động của thầy Ha-men, truyện đã thể hiện lòng yêu nước trong một biểu hiện cụ thể là tình yêu tiếng nói của dân tộc.  - Bài học cho chúng ta: Hãy thể hiện lòng yêu nước từ những điều đơn giản, bình dị nhất như yêu quý, giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.  **2. Nghệ thuật**  - Xây dựng tình huống truyện độc đáo.  - Miêu tả tâm lí nhân vật qua tâm trạng, suy nghĩ và ngoại hình.  - Ngôn ngữ tự nhiên, sử dụng các câu văn giàu sức biểu cảm. |

**HOẠT ĐỘNG 3: Luyện tập (16’)**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

**b. Nội dung:** GV tổ chức trò chơi hộp quà may mắn

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**:

**Nhiệm vụ 1:** Giáo viên chiếu hộp quà chứa câu hỏi.

**Câu 1:** Nội dung chính của truyện: “Buổi học cuối cùng” là gì?

- Truyện ca ngợi lòng yêu nước qua tiếng nói dân tộc.

**Câu 2:** Từ còn thiếu trong câu sau là gì? *“Khi một dân tộc rơi vào vòng nô lệ, chừng nào họ vẫn giữ vững tiếng nói của mình, thì chẳng khác gì nắm được…. chốn lao tù.”*

- Từ: “chìa khóa”.

**Câu 3:** Đây là buổi học cuối cùng ở vùng nào nước Pháp?

- Vùng An-dát.

**Câu 4:** Truyện buổi học cuối cùng sử dụng ngôi kể nào?

- Ngôi thứ nhất.

**Câu 5:** Nhân vật thầy Ha-men và Phrăng được miêu tả qua yếu tố nào?

- Ngoại hình, cử chỉ, lời nói và tâm trạng.

**Nhiệm vụ 2:** Yêu cầu viết đoạn văn:

Viết đoạn văn khoảng 8 câu nêu cảm nghĩ về nhân vật em yêu thích trong truyện?

Gợi ý:

- **Về hình thức:**

+ Đúng thể thức, bố cục đoạn văn.

+ Đảm bảo số lượng câu theo yêu cầu.

- **Về nội dung:**

+ Mở đoạn: Giới thiệu nhân vật (trong tác phẩm nào, tác giả là ai?)

+ Thân đoạn: Nêu cảm nghĩ về trang phục, hành động, cử chỉ, lời nói, thái độ, …

+ Kết đoạn: Đánh giá về nhân vật.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

GV: Chiếu hộp quà

HS: Đọc yêu cầu của câu hỏi và trả lời

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời, các em còn lại theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số hoặc bằng cách chốt đáp án đúng.

**HOẠT ĐỘNG 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

**b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm:** Học sinh phát biểu suy nghĩ về tiếng Việt?

**d. Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ** **(GV)**

*Em hãy phát biểu cảm nghĩ về tiếng mẹ đẻ của dân tộc Việt Nam?*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS phát biểu cảm nghĩ cá nhân.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm trên zalo nhóm hoặc trên Padlet.

HS nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có) trên zalo nhóm lớp/môn …

**DẶN DÒ:** Về học kĩ nội dung của bài học và đọc, chuẩn bị trước bài THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT (SGK – 26, 27).

**Tiết 10. Thực hành tiếng việt**

**Từ ngữ địa phương**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Năng lực***

- Hiểu được đặc điểm, tác dụng, cách sử dụng của ngôn ngữ các vùng miền khác nhau.

- Biết sử dụng ngôn ngữ các vùng miền đúng hoàn cảnh giao tiếp.

***2. Phẩm chất***

- Tự tin thể hiện quan điểm của bản thân.

- Biết lắng nghe, hợp tác nhóm.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

***1. Thiết bị:*** Máy chiếu, máy tính, ...

***2. Học liệu:*** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, Phiếu học tập, rubric đánh giá.

**III.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức ngữ văn, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học

**b. Nội dung hoạt động:** HS tham gia trò chơi: ĐUỔI HÌNH BẮT CHỮ

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học

***Dự kiến câu trả lời:***

|  |  |
| --- | --- |
| Tên sự vật | (Dự kiến) Tên gọi ở địa phương miền Nam |
| Hình 1: Quả dứa | Trái thơm |
| Hình 2: Cái bát (ăn cơm) | Cái chén |
| Hình 3: Cái mũ | Cái nón |
| Hình 4: Bắp ngô | Trái bắp |
| Hình 5: Quả roi | Trái mận |

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

GV phổ biến luật chơi: Có 5 bức tranh, HS quan sát tranh để trả lời nội dung các bức tranh trong ảnh. Nếu HS trả lời sai, HS khác có quyền trả lời.

**Câu hỏi:** *HS quan sát tranh, bằng sự hiểu biết của mình em hãy cho biết sự vật được thể hiện trong bức tranh, ở địa phương miền Nam sự vật ấy được gọi là gì?*

|  |
| --- |
| Tên sự vật |
| Hình 1: Quả dứa |
| Hình 2: Cái bát (ăn cơm) |
| Hình 3: Cái mũ |
| Hình 4: Bắp ngô |
| Hình 5: Quả roi |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS quan sát tranh để nhận biết các sự vật trong tranh.

GV quan sát, hỗ trợ nếu cần.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** HS phát biểu. Trình bày ý kiến.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét câu trả lời của HS. Dẫn dắt vào bài.

GV kết nối vào tiết học: *Các em thân mến, chúng ta có thể thấy ngôn ngữ các vùng miền rất đa dạng, góp phần làm nên sự giàu đẹp của Tiếng Việt. Tiết học hôm nay cô và các em cùng tìm hiểu phần thực hành tiếng việt: Ngôn ngữ các vùng miền.*

**2. HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức mới**

**2.1. Tìm hiểu tri thức ngữ văn**

**a. Mục tiêu:** HS hiểu được đặc điểm, tác dụng, cách sử dụng của ngôn ngữ các vùng miền khác nhau.

**b. Nội dung:** HS trình bày sản phẩm dự án học tập của nhóm

**c. Sản phẩm:** Sản phẩm dự án học tập của HS. (Sơ đồ tư duy, bài thuyết trình, …)

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  GV chia 3 nhóm, đọc phần KT ngữ văn trang 14 để hoàn thành phiếu học tập: **(HS chuẩn bị ở nhà)**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Ngôn ngữ các vùng miền** | | | | Đặc điểm | Tác dụng | Cách sử dụng | | … | … | … |   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  HS trình bày sản phẩm chuẩn bị của nhóm bằng sơ đồ tư duy hoặc bằng bảng nhóm  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + Đại diện một nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình.  + Nhóm còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức.**  GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **I. Tri thức ngữ văn** |
| **Dự kiến sản phẩm**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Ngôn ngữ các vùng miền** | | | | **Đặc điểm** | **Tác dụng** | **Cách sử dụng** | | - Tính đa dạng của tiếng Việt thể hiện chủ yếu ở các mặt ngữ âm và từ vựng:  + Đa dạng về ngữ âm: Một từ ngữ có thể được phát âm không giống nhau ở các vùng miền khác nhau.  + Đa dạng về từ vựng: Các vùng miền khác nhau đều có những từ ngữ mang tính địa phương (từ ngữ địa phương). | - Dùng để phản ánh cách nói của nhân vật, của người dân ở địa phương khác nhau.  - Tạo sắc thái thân mật, gần gũi phù hợp với hoàn cảnh của nhân vật. Tô đậm tính chất địa phương. | - Việc sử dụng từ ngữ địa phương cũng cân có chừng mực; nếu không, sẽ gây khó khăn cho người đọc và hạn chế sự phổ biến của tác phẩm. |   (HS ghi chép bảng vào vở) | |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng các tri thức ngữ văn vào thực hành các bài tập và thực tiễn cuộc sống.

**b. Nội dung:** HS thảo luận nhóm, hoàn thành các bài tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, phiếu học tập.

**Dự kiến sản phẩm:**

**Phiếu học tập số 1**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Từ** | **Nghĩa** | **Phạm vi sử dụng** | **Tác dụng** |
| 1.a | Tía | Cha | Miền Nam | Phản ánh cách nói của nhân vật; Phù hợp với bối cảnh của tác phẩm. |
| 1.b | Má | Mẹ | Miền Nam | Phản ánh cách nói của nhân vật; Phù hợp với bối cảnh của tác phẩm. |
| 1.c | Giùm/ qua | Giúp/  anh | Miền Nam | Phản ánh cách nói của nhân vật; Phù hợp với bối cảnh của tác phẩm. |
| 1.d | Bả | Bà | Miền Nam | Phản ánh cách nói của nhân vật; Phù hợp với bối cảnh của tác phẩm. |
| 2.b | Ni | Này | Miền Trung | Phản ánh cách nói của nhân vật; Phù hợp với bối cảnh của tác phẩm. |
| 2.c | Mi/  dớ dận | Mày/  vớ vẩn | Miền Trung | Phản ánh cách nói của nhân vật; Phù hợp với bối cảnh của tác phẩm. |

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  GV gọi HS đọc yêu cầu BT1, 2 (SGK – 26)  GV cho lớp hoạt động cá nhân hoàn thành Phiếu học tập số 1.  **Phiếu học tập số 1**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | **Từ** | **Nghĩa** | **Phạm vi sử dụng** | **Tác dụng** | | **1.a** |  |  |  |  | | **1.b** |  |  |  |  | | **…** | **…** | **…** | **…** | **…** |   *? Tìm một số từ ngữ sử dụng ở địa phương em?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  HS hoàn thành phiếu học tập cá nhân  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + Đại diện HS trình bày câu trả lời  + HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức.**  GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  GV cho HS chấm chéo bài của nhau (dựa vào bảng kiểm) | **II. Luyện tập**  **1. Bài tập 1, 2** |
| **Bảng kiểm chấm điểm**   |  |  | | --- | --- | | **Nội dung chấm điểm** | **Điểm đạt được** | | Xác định được từ và giải nghĩa đúng các từ địa phương trong mỗi ví dụ. Mỗi từ đúng được 1.0đ |  | | Xác định đúng phạm vi sử dụng được 2.0đ |  | | Nêu đúng tác dụng. Mỗi ví dụ đúng được 2.0đ |  |   (GV trình chiếu Bảng kiểm trên slide) | |
| **Nhiệm vụ 1:**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  GV gọi HS đọc yêu cầu BT3 (SGK – 27)  GV chia lớp thành 2 đội tham gia phần thi tiếp sức với 2 vòng thi:  **Vòng 1**: Mỗi đội 3 (hoặc 4) bạn tham gia thực hiện nhiệm vụ a của BT3: Trong thời gian 1 phút viết các từ có tiếng chứa phụ âm đầu là **l, n, v.** Mỗi bạn HS được viết 1 từ, lần lượt xoay vòng đến các bạn còn lại cho đến khi hết giờ. Hết thời gian, đội nào viết đúng và nhiều hơn sẽ chiến thắng.  **Vòng 2**:Mỗi đội 3 (hoặc 4) bạn tham gia thực hiện nhiệm vụ c của BT3: Trong thời gian 1 phút viết các từ các **thanh hỏi, thanh ngã.** Mỗi bạn HS được viết 1 từ, lần lượt xoay vòng đến các bạn còn lại cho đến khi hết giờ. Hết thời gian, đội nào viết đúng và nhiều hơn sẽ chiến thắng.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  HS thực hiện trò chơi.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  Đại diện HS kiểm tra kết quả các đội.  **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức.**  GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. Cho điểm. | **2. Bài tập 3**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **BẢNG HỆ THỐNG CÁC TỪ** | | | | **Phụ âm đầu l** | **Phụ âm đầu n** | **Phụ âm đầu v** | | *lo lắng, lạnh lùng, lặc lè, lung lay, lạ lẫm, lạc lõng, ...* | *no nê, nao núng, nói năng, nôn nóng, nôn nao, …* | *vội vàng, vắng* *vẻ, vội vã, vui vẻ, vênh váo, ví von, …* |  |  |  | | --- | --- | | **BẢNG HỆ THỐNG CÁC TỪ** | | | **Thanh hỏi** | **Thanh ngã** | | *Tỉ mỉ, nghỉ ngơi, chém chả, rủ rỉ, …* | *nghĩ ngợi, mĩ mãn, lũ lụt, xử lí, …* | |
| **Nhiệm vụ 2:**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  GV chiếu đoạn thơ: Gọi HS đọc chuẩn chính tả đoạn thơ đó:  *Lúa nếp là lúa nếp làng*  *Lúa lên lớp lớp lòng nàng lâng lâng*  *Lúa nếp là lúa nếp làng*  *Lúa lên lớp lớp làm lợn no nê.*  *Lên núi lấy lá non về làm nón lá.*  *Lúa nếp là lúa nếp non*  *Lúa lên lá nõn lá non nõn nà.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  HS quan sát đoạn thơ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + Đại diện HS đọc các đoạn thơ.  + HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức.**  GV nhận xét, đánh giá, nhận xét cách đọc. Chấm điểm. |  |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  GV gọi HS đọc yêu cầu bài tập 4 (SGK – 27):  Viết một đoạn văn (khoảng 5 – 7 dòng) trình bày ý kiến của em về tác dụng của việc sử dụng các từ ngữ địa phương trong một văn bản mà em đã học hoặc đã đọc.  - Hình thức: Đoạn văn, đủ số câu quy định, đúng chính tả, ngôn từ trong sáng.  - Nội dung: Tác dụng của việc sử dụng các từ ngữ địa phương trong một văn bản mà em đã học hoặc đã đọc (*Người đàn ông cô độc giữa rừng; Dọc đường xứ Nghệ;* …).  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  HS dựa vào các văn bản đã học để tìm ý viết đoạn văn đúng yêu cầu.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  Đại diện HS đọc đoạn văn của mình.  **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức.**  GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **3. Bài tập 4** |

**4. HOẠT ĐỘNG 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng các kiến thức vào thực tiễn cuộc sống

**b. Nội dung:** HS tìm hiểu từ ngữ sử dụng ở địa phương mình

**c. Sản phẩm:** Sổ tay cá nhân có các từ địa phương

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ**

*? Sưu tầm các từ địa phương được sử dụng ở địa phương em. Cho biết các từ toàn dân tương ứng.*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS sưu tầm

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**: Trình bày trước lớp các từ ngữ đã sưu tầm được (Tiết học sau)

**Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức:** GV nhận xét, cho điểm phần sưu tầm của HS (giờ học sau).

**Tiết 11, 12. Thực hành đọc hiểu văn bản (3)**

***Dọc đường xứ nghệ***

(Trích ***Búp sen xanh***)

– Sơn Tùng –

**I. MỤC TIÊU**

Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được:

***1. Về kiến thức***

- Tri thức về thể loại tiểu thuyết lịch sử (bối cảnh, đề tài, nhân vật, các sự kiện…); nội dung, ý nghĩa và một số chi tiết nghệ thuật tiêu biểu trong văn bản.

- Bối cảnh xã hội Việt Nam những năm đầu thế kỉ XX và gia cảnh thuở nhỏ của Bác Hồ.

- Tấm lòng của nhà văn đối với lãnh tụ và đất nước.

***2. Về năng lực***

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (bối cảnh, cốt truyện, nhân vật, từ ngữ địa phương), nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, thái độ người kể,...) được thể hiện trong văn bản.

- Hiểu được cách thể hiện tư tưởng, tình cảm của tác giả được thể hiện qua văn bản và tác dụng, ý nghĩa của những chi tiết nghệ thuật tiêu biểu.

- Phân tích được nhân vật, chi tiết, tình huống trong văn bản.

- Viết được đoạn văn nêu cảm nhận về một nhân vật trong truyện.

***3. Về phẩm chất***

- Trân trọng, tự hào, kính yêu và biết ơn đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh.

-Sống có trách nhiệm với quê hương, đất nước.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

***1. Thiết bị:*** Máy tính, máy chiếu, giấy A0, …

***2. Học liệu:*** Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, ....

**PHIẾU HỌC TẬP**

Đọc kĩ văn bản và câu hỏi 2, 3 cuối bài để hoàn thành phiếu học tập sau:

**CHÂN DUNG NHÂN VẬT CÔN VÀ QUAN PHÓ BẢNG**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | | **Quan Phó bảng Sắc** | **Cậu bé Côn** |
| **Lời nói, hành động** | |  |  |
| **Tính cách, phẩm chất của nhân vật** | |  |  |
| **Nhận xét chung** | *Cách kể chuyện* |  | |
| *Tình cảm, thái độ của tác giả* |  | |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** HS kết nối kiến thức đã chuẩn bị bài vào nội dung của bài học.

**b. Nội dung:** Giáo viên chia sẻ cho HS theo dõi video bài hát về Bác & nêu yêu cầu. HS thực hiện theo y/c.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV chiếu video bài hát “Người về thăm quê” của nhạc sĩ Thuận Yến và giao nhiệm vụ cho HS.

1. Em cảm nhận được điều gì về chân dung Bác Hồ được gợi ra từ những lời ca và giai điệu của ca khúc?

2. Chia sẻ những hiểu biết của em về cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ. Suy nghĩ cá nhân.

- GV: theo dõi, khích lệ học sinh làm việc tích cực.

**B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

- GV: tổ chức cho hs chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.

- HS trả lời câu hỏi.

**B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.

- Giáo viên tổng hợp, kết nối bài học.

**Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**a. Mục tiêu:** HS nêu được những nét chính về nhà văn Sơn Tùng và đọc hiểu giá trị nội dung và nghệ thuật VB “Dọc đường xứ Nghệ”.

**b. Nội dung:** Giáo viên hướng dẫn học sinh trình bày sản phẩm đã tìm hiểu về tác giả, tác phẩm; cách đọc văn bản và thực hiện kĩ thuật chỉ huy để đọc văn bản.

**c. Sản phẩm:** Các phiếu học tập, sơ đồ tư duy của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **Nhiệm vụ 1:** Tìm hiểu chung về TG, TP.  **Bước 1: GV chuyển giao n/v:**  1. Chia sẻ nội dung tìm hiểu của mình về những hiểu biết chung về tác giả và tác phẩm (thể loại, ngôi kể, nv chính)?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS: làm việc cá nhân hoàn thành sản phẩm trc ở nhà.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + HS trình bày, HS khác nhận xét đánh giá.  + Giáo viên: Quan sát, theo dõi, điều hành quá trình học sinh thực hiện.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  + GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn kiến thức, h/s điều chỉnh sản phẩm nếu cần.  **Nhiệm vụ 2:** Đọc và tóm tắt VB.  **Bước 1: GV chuyển giao n/v.**  Lớp phó học tập thực hiện kĩ thuật chỉ huy: điều hành lớp đọc và tìm hiểu về bối cảnh chung diễn ra sự việc, nhân vật, nội dung chính trong văn bản.  Lớp phó, cả lớp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS: Thực hiện nhiệm vụ theo sự điều hành của lớp phó.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + HS khác nhận xét đánh giá.  + Giáo viên: điều hành quá trình học sinh thực hiện, chỉnh sửa, uốn nắn  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  + GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS.  Chuẩn lại một số kiến thức cơ bản.    **Nhiệm vụ 3**:Tìm hiểu nhân vật Côn và người cha trên hành trình dọc đường xứ Nghệ  **B 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *1. Xem lại, hoàn chỉnh sản phẩm PHT cá nhân đã chuẩn bị.*  *2. Trao đổi cặp đôi về nội dung PHT, chú ý phần* ***Nhận xét chung***  *3. Báo cáo sản phẩm của cặp.*  **B 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc cá nhân, trao đổi cặp đôi theo hướng dẫn.  **- GV** theo dõi, quan sát, gợi ý  **B 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày, hs khác nhận xét.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  + GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn kiến thức  + HS điều chỉnh sản phẩm (nếu cần)  **Nhiệm vụ 5**:Tìm hiểu về thiên nhiên và con người dọc đường xứ Nghệ.  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  *1. Tìm chi tiết trong văn bản tác giả tái hiện thiên nhiên xứ Nghệ?*  *2. Qua nội dung cuộc trò chuyện của hai anh em Khiêm, Côn với cha, em có cảm nhận và suy nghĩ như thế nào về con người và văn hoá của vùng đất xứ Nghệ?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS: Trả lời câu hỏi.  + GV: Quan sát, theo dõi quá trình HS thực hiện, gợi ý nếu cần.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + HS báo cáo kết quả, HS khác nhận xét đánh giá.  + GV: Quan sát, theo dõi, điều hành quá trình học sinh thực hiện.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  + GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn kiến thức.  **Nhiệm vụ 6:** Khái quát những nét chính về ND và NT của VB**.**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *Nhận xét khái quát về nghệ thuật và nội dung ý nghĩa của văn bản?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc cá nhân, trình bày theo ý hiểu.  - GV theo dõi, quan sát.  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày, HS khác nhận xét.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B4: Đánh giá**  - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn kiến thức. Hs điều chỉnh sp nếu cần. | **I. Đọc và tìm hiểu chung**  **1. Tác giả và tác phẩm *Búp sen xanh***  ***a. Tác giả***  - Tên thật là Bùi Sơn Tùng  - Sinh năm 1928 tại Nghệ An, mất ngày 22 tháng 7 năm 2021 tại Hà Nội.  - Ông tham gia 2 cuộc kháng chiến chống Pháp, Mỹ; trực tiếp chiến đấu trên các chiến trường từ Bắc vào Nam.  - Ông sớm có ý tưởng sưu tầm tìm hiểu những tư liệu về cuộc đời, gia đình Chủ tịch Hồ Chí Minh để viết sách lưu lại cho thế hệ sau.  - Là nhà văn Việt Nam với nhiều tác phẩm về lãnh tụ Hồ Chí Minh và các danh nhân cách mạng, danh nhân văn hóa Việt Nam.  - Tác phẩm tiêu biểu nhất là tiểu thuyết ***Búp sen xanh*** viết về cuộc đời Hồ Chí Minh.  ***b. Tác phẩm “Búp sen xanh”***  **- Hoàn cảnh sáng tác:**  + TP được nhà văn sưu tầm tư liệu và thai nghén suốt hơn 30 năm. Hoàn thành năm 1981.  + Xuất bản lần đầu năm 1982 tại NXB Kim Đồng.  **- Thể loại:** Tiểu thuyết lịch sử  **- Ngôi kể:** Ngôi thứ 3  🡪 Tác dụng: kể khách quan, linh hoạt những sự việc và kết hợp miêu tả, biểu cảm hợp lí.  **- Nội dung:** Tác phẩm viết về Bác Hồ từ khi còn nhỏ đến khi ra đi tìm đường cứu nước năm 1911.  🡪 Là tác phẩm văn học đầu tiên viết về những năm tháng tuổi thơ của Bác Hồ.  **2. Văn bản *Dọc đường xứ Nghệ***  ***a. Đọc và tóm tắt***  **\* Đọc**  **\* Tóm tắt:**  - Trên đường cùng cha và anh qua địa phận Diễn Châu, cậu bé Côn hỏi cha về ngôi đền thờ Thục Phán và được cha kể cho nghe câu chuyện về Mỵ Châu – Trọng Thuỷ. Nghe xong cậu cảm kích trước cách vua Thục chém con rồi tự vẫn để giữ trọn chữ tín.  - Quan Phó bảng Sắc còn kể cho con nghe câu chuyện người xưa lí giải về hính dáng núi Hai Vai, núi Trống Thủng, núi Cờ Rách làm cậu bé Côn thêm thấm thía khát vọng của cha ông xưa.  - Khi đi qua đền Quả Sơn, cậu bé Côn rất thắc mắc về sự uy nghi của ngôi đền và công trạng của vị quan được thờ. Ông Sắc đã kể lại cho các con nghe công trạng của Uy Minh hầu Lí Nhật Quang giúp con không chỉ biết rõ hơn về vị tướng mà còn hiểu ra ý nghĩa sâu xa trong câu vè dân gian bà ngoại từng đọc cho nghe.  - Hai anh em Khiêm, Côn được cha dẫn qua nhiều nơi có phong cảnh đẹp, những di tích lịch sử của Nghệ An rồi qua Hà Tĩnh, thăm mộ cụ Nguyễn Du. Côn tần ngần không hiểu vì sao người tài thơ văn như vậy mà không được lập đền thờ, còn kẻ ăn trộm bị đánh chết thì lại có miếu thờ thật trang nghiêm…  **\* Một số từ ngữ cần chú ý:**  - Các từ ngữ cuối các trang văn bản.  - Một số danh từ riêng về các địa danh.  ***b. Tìm hiểu chung***  **\* Bối cảnh**  \* **Nhân vật chính:** Cha con cụ Nguyễn Sinh Sắc.  **Lưu ý:** *Đây là đoạn trích trong tiểu thuyết văn học có yếu tố lịch sử, không phải văn bản lịch sử thuần tuý nên nhân vật được xây dựng theo góc nhìn chủ quan của tác giả.*  **\* Nội dung chính:** VB kể lại hành trình quan Phó bảng Sắc dẫn hai người con trai đi thăm bạn bè họ hàng dọc các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh sau khi thi đỗ Phó bảng với cuộc trò chuyện về thiên nhiên, con người, văn hoá của dải đất Miền Trung.  **II. Đọc – hiểu chi tiết văn bản**  **1. Anh em Côn và cha trên hành trình dọc đường xứ Nghệ**  ***a. Quan Phó bảng Sắc***  - Dẫn 2 con đi hầu khắp những nơi nổi tiếng về phong cảnh đẹp, về di tích lịch sử của Nghệ An, Hà Tĩnh.  - Kể cho con nghe những truyền thuyết Mỵ Châu - Trọng Thuỷ; về công lao của Uy Minh hầu Lí Nhật Quang…  - Lí giải cặn kẽ cho các con về tên núi Trống Thủng, núi Hai Vai, núi Cờ Rách…  - Giải thích cho Côn những thắc mắc về những nơi 3 cha con đi qua.  **🡪 Tính cách:**  - Quan Phó bảng Sắc là người am hiểu về thiên nhiên, con người, những truyền thống văn hoá, lịch sử của quê hương.  - Ông có cách dạy con những đạo lí rất nhẹ nhàng mà sâu sắc: thông qua những chuyến đi, những câu chuyện về tên đất, tên người, ông để cho con trực tiếp trải nghiệm và thấm thía những bài học làm người.  ***b. Cậu bé Côn***  - Tần ngần nhìn ngôi đền cổ kính, mong được cha chỉ bảo về sự tích ngôi đền và những ngọn núi…  - Nghe chuyện Mỵ Châu – Trọng Thuỷ: cậu bé nhận ra sự nham hiểm của vua Triệu, sự mất cảnh giác của cha con vua Thục Phán và Mỵ Châu; em trân trọng khí tiết của vua Thục khi quyết không để rơi vào tay giặc.  - Nghe cha kể chuyện về các hòn núi: Côn cảm phục sự tưởng tượng và ước vọng của người xưa gửi gắm trong câu chuyện.  - Được cha giải thích về công lao của Uy Minh hầu Lí Nhật Quang, cậu bé Côn hiểu ra được, chốn quan trường có người xấu nhưng cũng nhiều vị rất tốt, có công lớn với nhân dân và được nhân dân ghi nhớ…  - Côn thắc mắc không hiểu vì sao người học rộng, văn hay như Nguyễn Du khi chết đi chỉ có nấm mồ nhỏ mà kẻ ăn trộm lại được lập miếu thờ.  **🡪 Tính cách, phẩm chất:**  - Tuy còn nhỏ tuổi, nhưng cậu bé Côn rất ham học hỏi: Vừa đi theo cha và anh, em vừa quan sát, tưởng tượng về cảnh sắc thiên nhiên, vừa ghi nhớ từng địa điểm và có câu hỏi để hiểu thấu đáo về lịch sử, văn hoá.  - Em còn có những cảm nhận tinh tế, có suy ngẫm và lí giải sâu sắc, thấu đáo trước những câu chuyện cha kể.  - Cậu bé Côn còn sớm có ý thức trân trọng truyền thống văn hoá và những đạo lí của con người.  🡪 **Đó chính là những biểu hiện của một con người sớm có lòng yêu nước sâu sắc.**  ***c. Nhận xét chung***  **\* Cách kể chuyện:**  - Sử dụng ngôi kể thứ 3 để kể linh hoạt dẫn dắt hợp lí, hấp dẫn.  - Xây dựng nhân vật thông qua ngôn ngữ đối thoại; qua suy nghĩ và lời nói.  - Sử dụng thủ pháp truyện lồng trong truyện hợp lí.  **\* Tình cảm, thái độ của tác giả:**  - Có sự am hiểu về thiên nhiên và con người, văn hoá xứ Nghệ.  - Hiểu và trân trọng vốn hiểu biết và phẩm chất cao đẹp của quan Phó bảng.  - Khẳng định, đề cao vẻ đẹp cách của cậu bé Côn.  **2. Thiên nhiên, con người, văn hoá dọc đường xứ Nghệ**  - Thiên nhiên, mây trời đẹp như bức tranh gấm thêu; dãy núi xa xa rất nhiều hình nhiều vẻ; núi non biêng biếc trải tận chân trời xa…; núi Hai Vai, núi Trống Thủng, núi Cờ Rách.  🡪 Dáng núi non thường thể hiện khát vọng của con người…  - Vùng đất xứ Nghệ là mảnh đất địa linh nhân kiệt, giàu truyền thống lịch sử văn hoá, con người giàu khát vọng xây dựng và bảo vệ quê hương.  **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Sử dụng ngôi kể thứ ba với các tình tiết, diễn biến hợp lí.  - Xây dựng nhân vật thông qua ngôn ngữ đối thoại, hành động, suy nghĩ giúp nhân vật hiện lên sinh động, chân thực, có chiều sâu.  - Kết hợp kể, tả và bộc lộ cảm xúc suy nghĩ 🡪 Giúp câu chuyện hấp dẫn, gửi gắm nhiều thông điệp ý nghĩa.  **2. Nội dung**  - Văn bản kể lại hành trình anh em Khiêm, Côn được cha dẫn qua những nơi của Nghệ An, Hà Tĩnh.  - Qua đó, tác giả tái hiện sinh động, chân thực chân dung cậu bé Côn với những quan sát tinh tế, tâm hồn nhạy cảm và suy nghĩ sâu sắc trước mọi cảnh sắc và câu chuyện trong cuộc sống; đồng thời phần nào giúp người đọc cảm nhận được tình cảm yêu thương, cách dạy đạo lí của Quan Phó bảng Sắc với các con và tấm lòng của ông với quê hương mình  - Văn bản cũng thể hiện thái độ ngợi ca, trân trọng và biết ơn của tác giả với những vẻ đẹp và giá trị lịch sử văn hoá của vùng đất xứ Nghệ nói riêng và của cả dân tộc nói chung. |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: Luyện tập**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

Chi tiết, hình ảnh nào trong truyện khiến em có cảm xúc nhất? Vì sao?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- Học sinh tiếp nhận: Nắm được yêu cầu, thực hiện nhiệm vụ.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

- Học sinh báo cáo. HS khác nhận xét.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- Giáo viên sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.

**4. HOẠT ĐỘNG 4: Vận dụng**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

*+ Viết đoạn văn 7-10 câu nêu cảm nhận của em về nhân vật Côn trong truyện.*

*+ Vẽ tranh minh họa một chi tiết/ sự việc trong văn bản.*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- Học sinh làm việc cá nhân.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

- HS báo cáo vào giờ sau.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét ý thức học của HS.

**\* Hướng dẫn học bài**

- Tìm đọc *“Búp sen xanh”* và những tư liệu về tuổi thơ của Bác

- Chuẩn bị bài mới: *Viết bài văn kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.*

Phụ lục 1: Sản phẩm dự kiến cho hoạt động 3.

**CHÂN DUNG NHÂN VẬT CÔN VÀ QUAN PHÓ BẢNG**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | | **Quan Phó bảng Sắc** | **Cậu bé Côn** |
| **Lời nói, hành động, suy nghĩ** | | - Dẫn 2 con đi hầu khắp những nơi nổi tiếng về phong cảnh đẹp, về di tích lịch sử của Nghệ An, Hà Tĩnh.  - Kể cho con nghe những truyền thuyết Mỵ Châu - Trọng Thuỷ; về công lao của Uy Minh hầu Lí Nhật Quang…  - Lí giải cặn kẽ cho các con về tên núi Trống Thủng, núi Hai Vai, núi Cờ Rách…  - Giải thích cho Côn những thắc mắc về những nơi 3 cha con đi qua… | - Tần ngần nhìn ngôi đền cổ kính, mong được cha chỉ bảo về sự tích ngôi đền và những ngọn núi…  - Nghe chuyện Mỵ Châu – Trọng Thuỷ: cậu bé nhận ra sự nham hiểm của vua Triệu, sự mất cảnh giác của cha con vua Thục Phán và Mỵ Châu; em trân trọng khí tiết của vua Thục khi quyết không để rơi vào tay giặc.  - Nghe cha kể chuyện về các hòn núi: Côn cảm phục sự tưởng tượng và ước vọng của người xưa gửi gắm trong câu chuyện.  - Được cha giải thích về công lao của Uy Minh hầu Lí Nhật Quang, cậu bé Côn hiểu ra được, chốn quan trường có người xấu nhưng cũng nhiều vị rất tốt, có công lớn với nhân dân và được nhân dân ghi nhớ…  - Côn thắc mắc không hiểu vì sao người học rộng, văn hay như Nguyễn Du khi chết đi chỉ có nấm mồ nhỏ mà kẻ ăn trộm lại được lập miếu thờ … |
| **Tính cách, phẩm chất của nhân vật** | | - Quan Phó bảng Sắc là người am hiểu về thiên nhiên, con người, những truyền thống văn hoá, lịch sử của quê hương.  - Ông có cách dạy con những đạo lí rất nhẹ nhàng mà sâu sắc: thông qua những chuyến đi, những câu chuyện về tên đất, tên người, ông để cho con trực tiếp trải nghiệm và thấm thía những bài học làm người. | - Tuy còn nhỏ tuổi, nhưng cậu bé Côn rất ham học hỏi: Vừa đi theo cha và anh, em vừa quan sát, tưởng tượng về cảnh sắc thiên nhiên, vừa ghi nhớ từng địa điểm và có câu hỏi để hiểu thấu đáo về lịch sử, văn hoá.  - Em còn có những cảm nhận tinh tế, có suy ngẫm và lí giải sâu sắc, thấu đáo trước những câu chuyện cha kể.  - Cậu bé Côn còn sớm có ý thức trân trọng truyền thống văn hoá và những đạo lí của con người.  🡪 Đó chính là những biểu hiện của một con người yêu nước sâu sắc |
| **Nhận xét chung** | *Cách kể chuyện* | - Sử dụng ngôi kể thứ ba để kể linh hoạt dẫn dắt hợp lí, hấp dẫn.  - Xây dựng nhân vật thông qua ngôn ngữ đối thoại; qua suy nghĩ và lời nói.  - Sử dụng thủ pháp truyện lồng trong truyện hợp lí | |
| *Tình cảm, thái độ của tác giả* | - Có sự am hiểu về thiên nhiên và con người, văn hoá xứ Nghệ.  - Hiểu và trân trọng vốn hiểu biết và phẩm chất cao đẹp của quan Phó bảng.  - Khẳng định, đề cao vẻ đẹp nhân cách của cậu bé Côn. | |

**Tiết 13, 14, 15. Viết**

**Kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Năng lực***

- Học sinh biết viết văn bản bảo đảm các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.

- Viết được bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử; bài viết có sử dụng các yếu tố miêu tả.

- Biết viết tóm tắt một văn bản theo yêu cầu về độ dài khác nhau, đảm bảo được nội dung chính của văn bản.

**-** Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra cách viết bài một cách sáng tạo để đạt hiệu quả tốt nhất.

***2. Phẩm chất***

**- Chăm chỉ:** Chủ động thực hiện nhiệm vụ học tập, thu thập các kiến thức, câu chuyện liện quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.

**- Yêu nước:** Yêu mến, tự hào về các nhân vật lịch sử, tự hào truyền thống ông cha.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

***1. Thiết bị:*** Máy chiếu, máy tính, bảng phụ, giấy A0, bút màu

***2. Học liệu***

- SGK, tài liệu tham khảo, hình ảnh minh, bài viết liên quan.

- Tài liệu kể chuyện lịch sử.

- Tư liệu truyện kể lịch sử.

- Phiếu học tập, Rubric.

**III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Kết nối– tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung:** Dùng kĩ thuật viết tích cực trả lời câu hỏi cho nhiệm vụ “Thử tài hiểu biết”?

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **TRÒ CHƠI: Bông hoa tri thức**  Cách tổ chức: Tạo cây hoa có 10 bông hoa, mỗi cây là một câu hỏi liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.  GV chọn 1 HS quản trò có nhiệm vụ gọi HS bất kì tham gia trả lời câu hỏi. Khi người chơi trả lời xong thì được quyền chỉ định người tiếp theo trả lời.  1.  *Ai người ra trận cưỡi voi*  *Đánh tan Tô Định lên ngôi vua bà?”*  (Câu đố)  **Đáp án: Hai Bà Trưng**  2.  *Người là Cha, là Bác, Là Anh*  *Quả tim lớn, lọc trăm dòng màu nhỏ*”  (Tố Hữu)  **Đáp án: Bác Hồ**  3. Người được phong là “Trạng nguyên lưỡng quốc”?  **Đáp án: Mạc Đĩnh Chi**  4. Anh là người dù trúng đạn bom thù vẫn hô vang khẩu hiệu: “Nhằm thẳng quân thù mà bắn”?  **Đáp án: Nguyễn Viết Xuân**  5. Người anh hùng trong kháng chiến chống Pháp đã lấy thân mình chèn pháo?  **Đáp án: Tô Vĩnh Diện**  6. Chị là “Người con gái Việt Nam” mà Tố Hữu ngợi ca:  *Em là ai? Cô gái hay nàng tiên?*  *Em có tuổi? Hay em không có tuổi?*  **Đáp án: Trần Thị Lý**  7. Người anh hùng đã giương cao ngọn cờ “Phá cường địch báo hoàng ân” trong kháng chiến chống quân Mông Nguyên ở thế kỉ XIII?  **Đáp án: Trần Quốc Toản**  8. Câu thơ “Chín năm làm một Điện Biên/ Nên vành hoa đỏ, nên thiên sử vàng” (Tố Hữu) muốn nhắc đến chiến công vĩ đại nào của dân tộc ta?  **Đáp án: Chiến thắng Điện Biên Phủ (1954)**  9. Ngày 2 tháng 9 năm 1945 diễn ra sự kiện trọng đại nào của dân tộc Việt Nam mà “Thủ đô hoa vàng nắng Ba Đình” (Tố Hữu)  **Đáp án: Bác Hồ đọc tuyên ngôn độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **-** Học sinh tham gia trò chơi.  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  - HS trả lời cá nhân theo nội dung câu hỏi của bông hoa tri thức mình lựa chọn.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - HS đánh giá phần trả lời của bạn theo đáp án giáo viên cung cấp.  - GV đánh giá kết luận nhiệm vụ bài học: Viết bài về sự kiện hoặc các nhân vật lịch sử mà mình yêu thích. | |

**HOẠT ĐỘNG 2. Hình thành kiến thức**

**Hoạt động 2.1. Tìm hiểu định hướng**

**a. Mục tiêu cần đạt**

Học sinh biết định hướng cho bài viết.

Viết bài văn kể lại sự việc có tht liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịchsử.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SKG, chắt lọc kiến thức đã học, tiến hành trả lời các câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Nhiệm vụ 1: Định hướng kiến thức về kiểu bài**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  Yêu cầu HS trả lời cá nhân các câu hỏi định hướng về kiểu bài:  *+ Thế nào là sự việc có thật?*  *+ Theo em, nhân vật hoặc sự kiện lịch sử là gì?*  *+ Ai là người kể sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.*  *+ Muốn viết bài văn theo yêu cầu thì em cần làm gì?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Tổ chức chia sẻ cặp đôi theo câu hỏi (dựa vào phần định hướng trong SGK)  + GV quan sát, khuyến khích.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + Đại diện một số cặp đôi phát biểu.  + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  **-** HS đánh giá phần trả lời của bạn  + Sự việc có thật.  + Nhân vật và sự kiện trong lịch sử đấu tranh và trong các lĩnh vực khác.  + Người kể: người chứng kiến hoặc sưu tầm nghiên cứu và kể lại.  Giáo viên chuẩn xác và lưu ý thêm tên những anh hùng dân tộc, các tấm gương...  **Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu ví dụ**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  *Để làm bài em cần thực hiện theo bước nào?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + HS suy nghĩ tìm câu trả lời  + GV quan sát, khích lệ.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận**  + HS trả lời câu hỏi , HS khác bổ sung ý kiến.  + GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  + HS tự đánh giá và đánh giá phần trả lời của bạn trên cơ sở đáp án của GV  **+** GV nhận xét, đánh giá. | **I. ĐỊNH HƯỚNG**  ***1. Kiến thức về kiểu bài***  - Sự việc có thật: Là sự việc đã xảy ra trong đời thực, không hư cấu tưởng tượng, được nhiều người biết hoặc chứng kiến, có sử sách ghi lại...  - Nhân vật hoặc sự kiện lịch sử: Nhân vật hoặc sự kiện có trong lịch sử đấu tranh giữ nước mà còn là những con người hoặc sự kiện trong các lĩnh vực lao động, văn hóa, khoa học như các nhà bác học, các nhà phát minh, sáng chế, những nhà văn, họa sĩ, nhạc sĩ,các vận động viên nổi tiếng…  - Người kể: những câu chuyện liên quan đến sự kiện hoặc nhân vật lịch sử thường được kể lại bởi người chứng kiến hoặc được sưu tầm nghiên cứu và thể hiện lại qua sách, báo, phim ảnh.  - Yêu cầu sưu tầm: Đọc sách báo, sưu tầm một số câu chuyện về lịch sử:  + Câu chuyện về những anh hùng dân tộc: Lí Thường Kiệt, Trần Quốc Tuấn, Nguyễn Trãi...  + Tấm gương về lòng yêu nước dũng cảm trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm: Trần Quốc Toản, Tô Vĩnh Diện, Bế Văn Đàn, Võ Thị Sáu…  + Chuyện về cuộc đời hoạt động cách mạng và sinh hoạt đời thường của Chủ tịch Hồ CHí Minh, các chiến sĩ cách mạng hoặc các nhà hoat động xã hội nổi tiếng.  - Những hoạt động khoa học, sáng tạo trong nhiều lĩnh vực cuộc sống: Lương Định Của, Tôn Thất Tùng…  ***2. Các bước làm bài***  + Xác định sự việc  + Xác định nhân vật và sự việc liên quan.  + Nguồn thông tin: Nghe kể hay đọc từ sách báo.  + Xác định ngôi kể, nhân vật, sự việc chính...  + Lập dàn ý cho bài viết  + Sử dụng kết hợp các yếu tố miêu tả trong khi kể. |

**Hoạt động 2.2. Thực hành**

**a. Mục tiêu**

- Biết viết văn bản bảo đảm các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.

- Viết được bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử; bài viết có sử dụng các yếu tố miêu tả.

- Biết viết tóm tắt một văn bản theo yêu cầu về độ dài khác nhau, đảm bảo được nội dung chính của văn bản.

**b. Nội dung:** chắt lọc kiến thức SGK, câu hỏi trong sách để viết.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản pẩm dự kiến** |
| **Nhiệm vụ 1: Thực hành đề số 2 SGK/35**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Giáo viên chiếu đề bài số 2 dựa vào văn bản ở mục “Định hướng” em hãy đóng vai nhạc sĩ Văn Cao, viết bài văn kể lại sự ra đời của bài hát “Tiến quân ca” và yêu cầu học sinh thực hiện các bước chuẩn bị, tìm ý lập dàn ý cho đề bài theo kĩ thuật công đoạn, làm việc cá nhân và thảo luận theo nhóm.  + Nêu nhiệm vụ cần chuẩn bị.  + Thảo luận theo nhóm học tập các câu hỏi tìm ý, lập dàn ý.  + Viết cá nhân theo dàn ý thống nhất.  + Chỉnh sửa bài viết.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-** Học sinh thực hiện nhiệm vụ cá nhân nội dung yêu cầu 1, 3, 4.  - Giáo viên quan sát, hỗ trợ góp ý  - Thảo luận theo nhóm yêu cầu 2 yêu cầu chuẩn bị theo kĩ thuật công đoạn.  - Thảo luận theo nhóm học tập nội dung trả lời câu hỏi tìm ý, lập dàn ý.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  Học sinh 1: Học sinh báo cáo cá nhân kết qủa thực hiện nhiệm vụ của bước chuẩn bị.  *? Với đề bài trên em cần chuẩn bị những gì*  *? Nêu kết quả sự chuẩn bị của em?*   |  |  | | --- | --- | | **Câu hỏi** | **Trả lời** | | 1. Ai là người kể chuyện? |  | | 2. Câu chuyện xảy ra ở đâu khi nào? |  | | 3. Trong câu chuyện có những nhân vật nào? |  | | 4. Những sự kiện nào liên quan đến sự ra đời của bài hát “ Tiến quân ca”? |  | | 5. Người kể có suy nghĩ gì về sự kiện của bài hát “ Tiến quân ca” ra đời? |  |   - Đại diện các nhóm trả lời về kết quả trả lời câu hỏi tìm ý.  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  - HS báo báo kết quả thực hiện nhiệm vụ.  - Giáo viên góp ý.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - HS đánh giá bạn và bản thân trên cơ sở đáp án của GV.  **Hướng dẫn HS viết bước lập dàn ý**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Học sinh làm việc cá nhân việc chuẩn bị dàn ý ? Nêu dàn ý chung của bài kể chuyện? Dựa vào văn bản hãy lập dàn ý chi bài viết theo lời kể của Văn Cao?  **Bước 2:Thực hiện nhiệm vụ:**  + Học sinh đọc văn bản, chuẩn bị dàn ý bài kể theo lời của Văn Cao.  + GV quan sát, khích lệ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + HS trả lời câu hỏi, HS khác bổ sung ý kiến.  + GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  HS đánh giá kết quả bài làm của bạn.  **GV bổ sung thêm:**  **Hướng dẫn viết bài**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Căn cứ dàn ý đã lập viết đoạn văn hoàn chỉnh cho:  + Phần mở bài.  + Phần tâm trạng của tôi trước khi viết.  + Đoạn văn kết bài.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + Học sinh viết bài.  + GV quan sát, khích lệ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + HS trình bày đoạn văn đã viết.  + GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  HS đánh giá kết quả bài làm của bạn.  GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của học sinh. | **II. THỰC HÀNH**  **ĐỀ 1: Dựa vào văn bản ở mục “Định hướng”, em hãy đóng vai nhạc sĩ Văn Cao. Viết bài văn kể lại sự ra đời của bài hát “ Tiến quân ca”.**  ***1. Chuẩn bị***  - Cách viết bài văn kể chuyện: Các yếu tố thời gian, địa điểm, nhân vật, sự việc, tình tiết, cốt truyện và ngôi kể.  - Đọc lại văn bản “Nhạc sĩ Văn Cao sáng tác *Tiến quân ca”*: Xác định ngôi kể, trình tự kể, ghi chép lại các chi tiết, sự việc, lời nói của các nhân vật cần chú ý từ văn bản đã đọc.  ***2. Tìm ý***  - Người kể:Văn Cao - xưng *tôi*.  - Câu chuyện xảy ra:Căn gác nhỏ ở Phố Nguyễn Thượng Hiền- Hà Nội.  - Sự việc: Sự ra đời của bài hát “Tiến quân ca”.  - Câu chuyện có các nhân vật:  + Ph D: Người chứng kiến sự ra đời của bài hát.  + Vũ Quý: Người đầu tiên được biết đến bài hát  + Nguyễn Đình Thi: người đầu tiên xướng âm ca khúc.  - Những sự kiện liên quan đến sự ra đời của bài hát:  + Cuộc mít tinh của công chức Hà Nội ngày 17 tháng 8 năm 1945.  + Mít tinh ngày 18 tháng 8 năm 1945.  - Người kể đã suy nghĩ về sự kiện:  + “Bài tiến quân ca đã nổ như một trái bom. Nước mắt tôi trào ra. Xung quanh tôi, hàng ngàn giọng hát cất vang lên theo những đoạn sôi nổi”.  + Hàng chục ngàn giọng hát cất lên, thét lên tiếng căm thù vào mặt bọn đế quốc với sự hào hùng chiến thắng của cách mạng.  ***3. Lập dàn ý***  **a. Mở bài:** Dẫn dắt nêu lí do kể  + “Tiến quân ca” chính là quốc ca của nước Việt Nam ta - là hồn thiêng sông núi ai cũng biết.  + Bài hát được ra đời như thế nào không phải ai cũng rõ.  + Tôi Văn Cao - tác giả bài hát xin kể cho mọi người nghe quá trình ra đời của bài hát.  **b. Thân bài**”: Dựa vào câu chuyện nhạc sĩ Văn Cao sáng tác “Tiến quân ca”, lần lượt kể lại quá trình sáng tác bài hát theo trình tự nhất định:  **- Tôi trước khi tôi sáng tác:**  + Có lúc tôi tưởng mình không còn những ước mơ, khát vọng của tuổi thanh niên, cuộc sống của tôi.  + Tôi “muốn từ bỏ tất cả hội họa, thơ ca, âm nhạc” nhưng nhờ sự xuất hiện của người bạn thân Ph.D bất ngờ nên cuộc đời của tôi bước sang ngã rẽ khác.  + Nhờ bạn thân tôi gặp được Vũ Quý, một người anh từ lâu theo dõi con đường hoạt động nghệ thuật của tôi, sau buổi nói chuyện tôi đã tìm thấy con đường đi mới cho mình - con đường cách mạng.  + Tôi háo hức muốn được nhận một khẩu súng và được tham gia vào đội vũ trang, nhưng lại được giao nhiệm vụ là sáng tác nghệ thuật - chuẩn bị một bài hát cổ vũ tinh thần cho quân đội cách mạng khi khóa quân chính kháng Nhật sắp mở.  **- Tôi khi viết bài “Tiến quân ca”:** Dù chưa từng cầm khẩu súng, chưa tham gia đội vũ trang nào, chưa biết chiến khu... nhưng với tất cả lòng nhiệt huyệt của một chàng trai trẻ yêu nước, trên căn gác nhỏ ở phố Nguyễn Thượng Hiền - Hà Nội, tôi đã thấy mình như đang sống ở một khu rừng nào đó trên kia, trên Việt Bắc” và tôi đã viết nên giai điệu ca từ của “Tiến quân ca”.  **- Tôi sau khi bài hát “Tiến quân ca ra đời, được công bố, chào đón:**  + Tôi không ngờ rằng chỉ một thời gian ngắn sau lần đầu tiên, vào ngày 17 tháng 8 nắm 1945, khi diễn ra cuộc mít tinh của công chức Hà Nội, bài hát “Tiến quân ca” đã được hàng ngàn người hòa nhịp, cất cao tiếng hát trước Quảng trường Nhà hát lớn.  + Tôi thấy bài *Tiến quân ca* đã nổ như một trái bom. Nước mắt tôi trào ra. Xung quanh tôi, hàng ngàn giọng hát cất vâng lên theo những đoạn sôi nổi.  + Hàng chục ngàn giọng hát cất lên, thét lên tiếng căm thù vào mặt bọn đế quốc với sự hào hùng chiến thắng của cách mạng.  **b. Kết bài**: Phát biểu suy nghĩ của người kể lại câu chuyện  + Bài “Tiến quân ca” ra đời như thế đó, tôi không nhớ mình đã sáng tác bài hát này trong bao lâu và bằng nhạc cụ nào nhưng tôi nhớ rõ người đầu tiên được nghe là nhạc sĩ Phạm Duy và ông cũng nhớ rõ nụ cười của ông Vũ Quý: “Da mặt anh đen xạm. Đôi mắt và nụ cười của anh lấp lánh”. Sau đó bài hát được chọn làm quốc ca của Việt Nam cho đến ngày nay.  + Bài hát là niềm tự hào không chỉ của riêng tôi mà của cả dân tộc.    ***4. Viết bài***  **a. Viết đoạn mở bài**  Trong cuộc đời mỗi người đều có những kỉ niệm trở thành những câu chuyện đáng nhớ để lại trong ta những ấn tượng khó quên. Với tôi cũng vậy cho đến bây giờ tôi vẫn không quên về câu chuyện sáng tác “Tiến quân ca” của mình.  **b. Viết một số đoạn thân bài**  \* Đoạn kể về tôi trước khi sáng tác bài hát.  \* Đoạn văn kể về tôi sau khi bài hát ra đời và được đón nhận.  **c. Viết đoạn kết bài**  Bài “Tiến quân ca” ra đời như thế đó, tôi không nhớ mình đã sáng tác bài hát này trong bao lâu và bằng nhạc cụ nào nhưng tôi nhớ rõ người đầu tiên được nghe là nhạc sĩ Phạm Duy và ông cũng nhớ rõ nụ cười của ông Vũ Quý: “Da mặt anh đen xạm. Đôi mắt và nụ cười của anh lấp lánh”. Sau đó bài hát được chọn làm quốc ca của Việt Nam cho đến ngày nay. Bài hát là niềm tự hào không chỉ của riêng tôi mà của cả dân tộc. |

**Hoạt động 3. VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Học sinh vận dụng để viết bài kể chuyện liên quan tới nhân vật, sự kiện lịch sử.

**b. Nội dung:** HS tìm hiểu nhân vật, sự kiện lịch sử theo trò chơi “Ong tìm chữ” từ đó chọn nội dung kể.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời, bài viết của học sinh.

**d. Tổ chức hoạt động**

**Bài 1:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

+ 1 HS trả lời.

+ HS khác nghe, bổ sung ý kiến.

+ Một học sinh làm thư kí.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

HS nghe bài thơ, bài hát, quan sát hình ảnh và trả lời.

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**

- HS nhận xét đánh giá bạn.

- Giáo viên nhận xét đánh giá.

Từ hình ảnh và lời hát các em đã tìm ra tên của những vị anh hùng - những người con ưu tú của đất nước đã làm nên những trang sử vàng cho dân tộc. Vậy các em hãy kể về một sự kiện, một câu chuyện liên quan đến các nhân vật lịch sử mà em yêu thích.

**Bài 2:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

Hãy viết bài văn kể lại sự việc liên quan đến một nhân vật hoặc sự kiện lịch sử mà em yêu thích.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**: HS thực hiện ở nhà.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** Thực hiện báo cáo vào buổi học sau.

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**: Đánh giá vào buổi học sau theo tiêu chí.

**Rubrics định tính đánh giá bài viết văn tự sự của HS với các mức độ**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ** | | | | |
| **Mức 5**  **(Xuất sắc)** | **Mức 4**  **(Giỏi)** | **Mức 3**  **(Khá)** | **Mức 2**  **(Trung bình)** | **Mức 1**  **(Yếu)** |
| **Chọn được chuyện để kể** | Lựa chọn được câu chuyện sâu sắc | Lựa chọn được câu chuyện có ý nghĩa. | Lựa chọn được câu chuyện để kể | Lựa chọn được câu chuyện để kể nhưng chưa rõ ràng | Chưa có “chuyện” để kể |
| **Nội dung câu chuyện** | Nội dung câu chuyện phong phú, hấp dẫn, các sự kiện, chi tiết rõ ràng, thuyết phục | Nội dung câu chuyện phong phú; các sự kiện, chi tiết rõ ràng. | Nội dung câu chuyện tương đối đầy đủ; các sự kiện, chi tiết khá rõ ràng | Nội dung câu chuyện còn sơ sài; các sự kiện chi tiết chưa rõ ràng hay vụn vặt. | Chưa rõ nội dung câu chuyện, kêt tản mạn, vụn vặt; chưa có sự kiện hay chi tiết rõ ràng, cụ thể. |
| **Tính liên kết của câu chuyện** | Các sự kiện, chi tiết được liên kết chặt chẽ, logic, thuyết phục. | Các sự kiện, chi tiết được liên kết chặt chẽ, logic. | Các sự kiện, chi tiết thể hiện được mối liên kết nhưng đôi chỗ chưa chặt chẽ. | Các sự kiện, chi tiết chưa thể hiện được mối liên kết chặt chẽ, xuyên suốt. | Các sự kiện, chi tiết chưa thể hiện được mối liên kết rõ ràng |
| **Thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể** | Thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể một cách thuyết phục bằng các từ ngữ phong phú, sinh động. | Thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể các từ ngữ phong phú, phù hợp. | Thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể bằng một số từ ngữ rõ ràng | Thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể bằng một số từ ngữ chưa rõ ràng. | Chưa thể hiện được cảm xúc trước sự việc được kể. |
| **Thống nhất về ngôi kể** | Dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất, nhất quán trong toàn bộ câu chuyện. | Dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất, hầu như nhất quán trong toàn bộ câu chuyện (có thể nhầm lẫn 1 chỗ về việc dùng từ xưng hô). | Dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất nhưng đôi chỗ chưa nhất quán trong toàn bộ câu chuyện. | Dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất nhưng nhiều chỗ chưa nhất quán trong toàn bộ câu chuyện. | Chưa biết dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất để kể chuyện |
| **Diễn đạt** | Hầu như không mắc lỗi về chính tả, từ ngữ, ngữ pháp. | Mắc rất ít lỗi diễn đạt nhỏ. | Bài viết còn mắc một số lỗi diễn đạt nhưng không trầm trọng. | Bài viết còn mắc khá nhiều lỗi diễn đạt | Bài viết còn mắc rất nhiều lỗi diễn đạt. |
| **Trình bày** | Trình bày rõ bố cục của bài văn; sạch đẹp, không gạch xoá. | Trình bày rõ bố cục của bài văn; rõ ràng, không gạch xoá. | Trình bày bố cục của bài văn; chữ viết rõ ràng, có ít chỗ gạch xóa. | Chưa thể hiện được bố cục của bài văn; chữ viết khó đọc, có một vài chỗ gạch xóa. | Chưa thể hiện được bố cục của bài văn; chữ viết khó đọc, có nhiều chỗ gạch xóa. |
| **Sáng tạo** | Bài viết có ý tưởng và cách diễn đạt sáng tạo, mới lạ. | Bài viết có ý tưởng hoặc cách diễn đạt sáng tạo. | Bài viết chưa thể hiện rõ ý tưởng hoặc cách diễn đạt sáng tạo | Bài viết không có ý tưởng và cách diễn đạt sáng tạo. | Bài viết không có ý tưởng và cách diễn đạt sáng tạo. |

**IV. PHỤ LỤC**

**BÀI THAM KHẢO 1: *Tình yêu Bác Hồ dành cho những khúc dân ca***

(Kể theo lời của nghệ sĩ ưu tú” Phạm Quỳnh Hoa “Bác Hồ - Con người và phong cách, NXB trẻ 2005)

**1. Mở bài**

“Chuyện kể rằng trước lúc người đi xa, Bác muốn nghe một câu hò xứ Nghệ. Nhưng không gian bốn bề lặng lẽ, Bác đành nằm im”. Lời hát ấy luôn làm lòng em xúc động khi nghĩ về Bác kính yêu. Và hôm nay em xin kể cho mọi người cùng nghe câu chuyện xúc động ấy.

**2. Thân bài**

Lời hát kể chuyện Bác Hồ trước lúc đi xa gợi lên từ câu chuyện thực, câu chuyện ấy như sau:

Buổi sáng ngày 2 tháng 9 năm 1969 là buổi sáng cuối cùng trong cuộc đời 79 mùa xuân của Bác. Bởi sau 9 giờ sáng hôm ấy, Người ra đi vào cõi vĩnh hằng để lại cho nhân dân Việt Nam và nhân dân thế giới một niềm đau thương mất mát không thể nào diễn tả nổi bằng mọi ngôn từ.

Không gian của câu chuyện cũng chỉ thu nhỏ trong căn nhà A67. Căn phòng này cách ngôi nhà sàn của Bác chỉ vài bước chân. Trước đó theo lời đề nghị của bác sĩ, để tiện cho việc theo dõi, chăm sóc sức khỏe của Người, ngày 18-8-1969, các đồng chí trong Bộ Chính trị và những đồng chí trực tiếp chăm sóc Bác đã chuyển Bác xuống căn phòng này.

Sau gần 20 ngày chống chọi với bệnh tật, Bác đã yếu lắm. Nhưng hễ tỉnh lại là ngay tập tức, Người hỏi thăm tình hình chiến đấu ở miền Nam, tình hình lũ lụt ở miền Bắc, Người còn dặn các đồng chí trong Bộ Chính trị phải làm sao tổ chức ngày lễ Quốc Khánh thật long trọng để nhân dân vui, phải bắn pháo hoa cho nhân dân phấn khởi Trong những giây phút cuối cùng đứng giữa ranh giới mong manh của sự sống và cái chết, dối diện với quy luật nghiệt ngã của sự tồn vong, Bác vẫn luôn nghĩ cho đồng bào, cho đất nước mà “nâng niu tất cả chỉ quên mình”. Nằm trên giường bệnh, sáng 2-9, lúc này Người đã rất mệt, mong muốn cuối cùng của Người là được gặp và thăm đồng bào miền Nam không thực hiện được, hơi thở của người mỗi lúc một yếu dần. Các đồng chí trong Bộ chính trị và các bác sĩ không ai nỡ rời xa Người dù chỉ là một phút…Lần đầu tiên tỉnh lại sau cơn đau, Người nhìn xung quanh rồi hỏi:

- Trong các chú có ai biết hò Huế không?

Mọi người lúng túng nhìn nhau, quả là một tình huống không ai chuẩn bị trước. Thường ngày, Người vẫn thường nói: “Miền Nam luôn ở trong trái tim tôi, thêm vào đó Huế vốn là mảnh đất gắn bó cùng Người suốt một thời gian dài tuổi thơ. Giờ đây, trong những giấy phút cuối cùng, có lẽ Người mong muốn mang hình ảnh miền Nam yêu thương, hình ảnh núi Ngự, Sông Hương với những kỉ niệm buồn đau theo mình vào cõi vĩnh hằng bất tử. Nỗi niềm ấy của Người dường như ai cũng thấu hiểu, nhưng tìm đâu nghệ sĩ hò Huế lúc này thật khó.

Lần thứ hai tỉnh lại, Người lại hỏi. Lúc này giọng người đã yếu hơn nhiều:

- Trong các chú, ai có thể hát cho bác nghe một làn diệu ví dặm Nghệ Tĩnh được không?

Thêm một lần nữa sự im lặng và bối rối bao trùm căn phòng. Câu ví dặm, câu hát dân ca xứ Nghệ đã bao bọc và nuôi dưỡng tâm hồn Người từ thuở lọt lòng. Người lớn lên và đi ra thế giới từ chiếc nôi văn hóa quê hương mặn mòi tình nghĩa ấy. Trước giây phút sắp biệt li. Người khao khát được nghe, được sống trong hơi ấm quê hương.

Lần thứ ba tỉnh lại, Người ngỏ ý muốn nghe một khúc dân ca quan họ Bắc Ninh, lần này thật may mắn khi có cô y tá bé nhỏ Ngô Thị Oanh tiến lại gần Bác: “Thưa Bác, cháu xin hát cho Bác nghe ạ”. Với chất giọng trong trẻo của người con gái Vĩnh Phúc, chị cất lời hát “Người ở đừng về” … Căn phòng nhỏ chìm trong tiếng hát. Tiếng hát hay tiếng lòng! Không ai phân biệt được. Chỉ biết rằng lời quan họ sâu lắng, thiết tha quá “*Người ơi, người ở đừng về*” Mà “người ơi, người ở đừng về” đã nói hộ lòng người. Cô y tá càng hát, càng nghẹn ngào, những người xung quanh không ai cầm được nước mắt 9h 47 phút ngày 2 tháng 9 năm 1969, trái tim vĩ đại của Bác Hồ đã ngừng đập, để lại muôn vàn tình thương yêu cho đồng bào cả nước. Sinh ra và lớn lên trong câu hát dân ca, từ điệu ví dặm ầu ơ ngọt ngào đằm thắm của mẹ, cuối cùng người thanh thản nhẹ nhàng bước vào cuộc trường sinh bằng âm hưởng tiếng hát dân ca.

Sau này, trong một bài báo tôi còn được biết, chị Ngô Thị Oanh, cô y tá Viện Quân y 108, người hát khúc hát dân ca “Người ở đừng về” vào những giây phút cuối cùng của cuộc đời Bác kể lại: Sau khi chị hát xong, Bác Hồ nhìn chị, Chị cảm giác như Bác đang mỉm cười Người còn bảo lấy bông hoa hồng bạch trên bàn mang tặng chị. Cử chỉ nhỏ mà y nghĩa thật to lớn. Cho đến phút cuối đời, quên cả nỗi đau đang vò xé. Người vẫn dành chọn niềm yêu thương, sự quan tâm đặc biệt cho mỗi người, đặc biệt là phụ nữ. Và bông hoa hồng nhỏ bé ấy chị đã ép khô để luôn giữ và xem đó là vật kỉ niệm thiêng liêng theo chị suốt cả cuộc đời:

Giấu mình đi chị chẳng phiền ai cả

Dép một đôi, áo quần vài bộ

Chỉ có trái tim bao la là tất cả gia tài.

Câu chuyện giản dị mà sâu sắc như biết bao câu chuyện kể về Người. Từ những tình tiết của câu chuyện ta nhận thấy ở Người một tình yêu lớn - bao la và đặc biệt. Người không chỉ yêu cuộc sống, yêu con người, không những chẳng làm đau một chiếc lá trên cành, thích sống hòa đồng với thiên nhiên, cỏ cây hoa lá mà Người còn yêu biết mấy những khúc hát dân ca Người thèm nghe một câu ò Huế, một làn điệu ví dặm hay một khúc quan họ đâu phải chỉ là nghe hát mà chính là để mang cả hình ảnh quê hương xứ sở, hình ảnh miền Nam yêu thương vào cuộc trường sinh.Cả cuộc đời, Người sống cho nhân dân, cho dân tộc, không gợn chút riêng tư, hành trang mà Người mang theo về thế giới người hiền chỉ là ước nguyện bình dị: Mang theo âm hưởng câu hát dân ca vào cõi bất tử. Người đã để lại cho chúng ta bài học sâu sắc, thấm thía rằng, muốn yêu tổ quốc mình càng yêu tha thiết các khúc hát dân ca. Bởi khúc dân ca là linh hồn, là nơi lắng đọng tình yêu, tinh hoa, bản sắc văn hóa dân tộc. Nó là nguồn sữa tinh thần bồi đắp và nuôi dưỡng tâm hồn con người. Trước lúc đi xa, Người muốn thế hệ sau hãy yêu những câu hát dân ca, hãy trân trọng và giữ gìn nền văn hóa dân tộc.

**3. Kết luận**

Và thế đó Bác đã thanh thản ra đi trong niềm hạnh phúc vì được nghe tiếng hát quê hương. Và câu hát quê hương theo người về đất mẹ. Đã để lại trong lòng chúng ta niềm xúc động nghẹn ngào về người cha già muôn vàn kính yêu của dân tộc.

**BÀI THAM KHẢO 2: Câu chuyện *Nhà bác học và bà cụ***

**1. Mở bài**

Khoa học luôn hướng về con người, các ý tưởng khoa học đều bắt nguồn từ cuộc sống đó là câu chuyện tôi muốn gửi đến các bạn.

**2. Thân bài**

Ê-đi-xơn là một nhà Bác học nổi tiền người Mĩ. Khi ông chế ra đèn điện người từ khắp nơi ùn ùn kéo đến xem. Có một bà cụ phải đi bộ 12 cây số. Đến nơi, cụ mỏi quá, ngồi xuống vệ đường bóp chân, đấm lưng thùm thụp.

Lúc ấy, Ê-đi-xơn chợt đi qua. Ông dừng lại hỏi chuyện. Bà cụ nói:

- Già đã phải đi bộ gần ba giờ đồng hồ để được nhìn tận mắt cái đèn điện. Giá ông Ê-đi-xơn làm được cái xe chở người già đi nơi này, nơi khác có phải may mắn hơn cho già không?

- Thưa cụ, tôi tưởng vẫn có xe ngựa chở khách chứ?

- Đi xe ấy thì ốm mất. Già chỉ muốn có một thứ xe không cần ngựa kéo mà lại thật êm.

Nghe bà cụ nói vậy, bỗng một ý nghĩa lóe lên trong đầu Ê-đi-xơn. Ông reo lên:

- Cụ ơi! Tôi là Ê đi xơn đây. Nhờ cụ mà tôi nảy ra ý định làm một cái xe chạy bằng dòng điện đấy.

Bà cụ vô cùng ngạc nhiên khi thấy nhà Bác học cũng bình thường như mọi người khác. Lúc chia tay, Ê-đi-xơn bảo:

- Tôi sẽ mời cụ đi chuyến xe điện đầu tiên.

- Thế nào già cũng đến… Nhưng ông phải làm nhanh lên nhé, kẻo tuổi già chẳng còn được bao lâu đâu.

Từ lần gặp bà cụ, Ê-đi-xơn miệt mài với công việc chế tạo xe điện và đã thành công. Hôm chạy thử xe điện, người ta xếp hàng dài để mua vé. Ê-đi-xơn mời bà cụ dạo nọ đi chuyến đầu tiên. Đến ga, ông bảo:

- Tôi giữ đúng lời hứa với cụ rồi nhé! Bà cụ cười móm mém:

- Cảm ơn ông. Giờ thì già có thể đi chơi cả ngày với chiếc xe này rồi.

**3. Kết luận**

Cuộc sống của chúng ta hôm nay có được là từ những thành tựu khoa học của bao lớp cha anh đã dày công mà có được. Chúng ta hãy trân trọng biết ơn sống sao cho ý nghĩa. Hãy nỗ lực học tập luyện rèn để phát huy tài năng trí tuệ của bản thân phục vụ con người, cuộc sống.

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

- Nắm chắc kĩ năng đọc hiểu truyện ngắn, tiểu thuyết

- Hoàn thành các bài tập.

- Sưu tầm các câu chuyện về nhân vật sự kiện lịch sử mà mình yêu thích.

**Tiết 16. Nói và nghe**

**Trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống**

Text

Description automatically generated with medium confidence

**I. MỤC TIÊU**

***1. Năng lực***

- Nói được ý kiến của bản thân minh về một vấn đề trong đời sống.

- Biết phát triển năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận.

- Biết cách nói và nghe phù hợp với vấn đề là nguyên nhân dẫn đến kết quả của một sự việc/ sự kiện.

***2. Phẩm chất***

- Tự tin thể hiện quan điểm của bản thân.

- Biết lắng nghe, hợp tác nhóm.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, ...

**2. Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, Phiếu học tập, rubric đánh giá.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học

**b. Nội dung hoạt động:** HS trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học

**Dự kiến câu trả lời:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Cột K  Những điều em đã biết khi thực hiện để thuyết phục các bạn của mình tin vào vấn đề mà mình đưa ra trong buổi thuyết trình. | Cột W  Những điều em muốn biết thêm, nhắc lại để để thuyết phục các bạn của mình tin vào vấn đề mà mình đưa ra trong buổi thuyết trình. | Cột L  Những điều em rút ra sau phần thực hành trình bày ý kiến về một vấn đề để thuyết phục các bạn về vấn đề đó. |
| - Chuẩn bị nội dung trình bày cụ thể, rõ ràng.  - Nắm kĩ nội dung mà mình chuẩn bị để trình bày vấn đề một cách tự tin, cuốn hút người nghe.  - Trao đổi với bạn bè, người thân những vấn đề còn băn khoăn ... | - Muốn biết quy trình khi trình bày một vấn đề trong đời sống.  - Cần lưu ý những gì khi trình bày một vấn đề? | ………………………  ………………………. |

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

**Câu hỏi: Khi được giáo viên giao một nhiệm vụ thuyết trình về một vấn đề nào đó, em sẽ làm thế nào để thuyết phục các bạn của mình tin vào vấn đề mà mình đưa ra?**

*Theo em, trong một cuộc họp, để đưa ra được những nguyên nhân cho kết quả của một sự kiện thì ta phải trải qua những công việc nào?*

Điền vào cột K, cột W trong bảng KWL sau đây:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Cột K  Những điều em đã biết khi thực hiện để thuyết phục các bạn của mình tin vào vấn đề mà mình đưa ra trong buổi thuyết trình. | Cột W  Những điều em muốn biết thêm, nhắc lại để để thuyết phục các bạn của mình tin vào vấn đề mà mình đưa ra trong buổi thuyết trình. | Cột L  Những điều em rút ra sau phần thực hành trình bày ý kiến về một vấn đề để thuyết phục các bạn về vấn đề đó. |
| ………………………  ………………………. | ………………………  ……………………… | ………………………  ………………………. |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**:

HS nhớ lại và điền cột K, cột W trong bảng KWL.

GV quan sát, hỗ trợ nếu cần.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** HS phát biểu. Trình bày ý kiến

**Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét câu trả lời của HS. Dẫn dắt vào bài.**

**GV kết nối vào tiết học:** *Trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống thực chất là nêu lên những suy nghĩ của người nói trước một vấn đề trong đời sống. Vậy làm thế nào để vấn đề ấy thuyết phục được người nghe? Tiết học hôm nay sẽ củng cố cho các em kĩ năng trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống.*

**HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức mới**

**2.1 Trước khi nói: Tìm hiểu chung về trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống**

**a. Mục tiêu:** HS hiểu được định nghĩa và các yêu cầu chung của bài nói nghe trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống.

**b. Nội dung:** HS xác định được nội dung của tiết học nói và nghe trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống.

**c. Sản phẩm:** Sản phẩm bài nói, dự kiến bài trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **HOẠT ĐỘNG CẶP ĐÔI CHIA SẺ**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  **HS đọc mục Định hướng trong SGK và cho biết:**  + Thế nào là trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống?  + Lấy ví dụ về các vấn đề có thể nêu lên để trao đổi có thể lấy từ cuộc sống hằng ngày.  + Trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống cần chú ý những yêu cầu nào?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Tổ chức chia sẻ cặp đôi trả lời các câu hỏi (dựa vào phần định hướng trong SGK)  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + Đại diện một số cặp đôi phát biểu.  + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức.** | **I. Tìm hiểu chung về trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống**  **1 Khái niệm**  **-** Trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống là nêu lên những suy nghĩ của người nói trước một vấn đề trong đời sống, đưa ra được lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ ý kiến của mình, nhằm thuyết phục người nghe.  VD: Vấn đề nêu lên để trao đổi có thể lấy từ cuộc sống hằng ngày như:  - Thế nào là lòng vị tha?  - Thế nào là lòng dũng cảm?  **2. Yêu cầu chung:** Để trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống các em cần:  *-* Xác định sự việc, sự kiện.  *-* Tìm ý và lập dàn ý cho bài nói.  *-* Chuẩn bị các thiết bị hỗ trợ như tranh, ảnh, máy chiếu… (nếu có) và chú ý kĩ năng thuyết trình trước tập thể. |

**2.2. Thực hành về trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống**

**a. Mục tiêu:**

-Biết trình bày một vấn đề trong đời sống.

- HS nói đúng nội dung giao tiếp và biết một số kĩ năng nói trước đám đông.

**b.** **Nội dung:**

- GV phân chia HS thành nhóm nhỏ. Sử dụng phương pháp dạy học dự án hoàn thành nhiệm vụ theo yêu cầu được phân công từ tiết học trước.

- HS Lựa chọn phương tiện hỗ trợ trao đổi, thảo luận (nếu cần) như: giấy, máy tính, tranh ảnh, sơ đồ, ...

**c. Sản phẩm:** Sản phẩm thảo luận nhóm.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Biểu hiện lòng yêu nước | Văn bản:  *“Dọc đường xứ Nghệ” (Sơn Tùng)* | Văn bản:  *“Người đàn ông cô độc giữa rừng” (Đoàn Giỏi)* | Văn bản  *“Buổi học cuối cùng” (Đô -đê)* |
|  | Những câu hỏi và sự lí giải về sự kiện lịch sử cho thấy Côn là cậu bé có tâm hồn yêu quê hương đất nước, ham muốn tìm hiểu về cội nguồn gốc gác | Câu chuyện kể về cuộc gặp gỡ của tía con An với chú Võ Tòng – người đàn ông cô độc giữa rừng. Cuộc gặp gỡ ngắn ngủi đó cho người đọc thấy được tính cách, tinh thần kiên cường dũng cảm của những con người trong thời kì đất nước bị xâm chiếm. | Tình cảm trân trọng và yêu quý tiếng Pháp của thầy Ha -men, của dân làng và cậu bé Ph răng |
| Tại sao đó là biểu hiện của lòng yêu nước | - Những cảnh vật dọc đường với những thắc mắc của bé Côn: …  - Những câu trả lời của cụ Phó bảng | - Hành động chế vũ khí của Võ Tòng để bắn giặc Pháp. | - Tình yêu với tiếng mẹ đẻ là biểu hiện sâu sắc của tình yêu nước. |

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu nội dung**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**:  *Trình bày ý kiến về vấn đề các văn bản đã học: “Người đàn ông cô độc giữa rừng” (Đoàn Giỏi), “Dọc đường xứ Nghệ” (Sơn Tùng) và Buổi học cuối cùng (Đô -đê) đều nói đến biểu hiện của lòng yêu nước. Ý kiến của em như thế nào?*  **Câu hỏi gợi ý:**  *? Nội dung nào của các văn bản đã học liên quan đến lòng yêu nước?*  *? Lòng yêu nước được biểu hiện cụ thể trong mỗi văn bản thế nào? (Hoàn thành phiếu học tập số 1)*  *? Tại sao đó lại là những biểu hiện của lòng yêu nước?*  **Phiếu học tập số 1**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Biểu hiện lòng yêu nước | Văn bản 1 | Văn bản 2 | Văn bản 3 | | …. | …. | …. | | **II. Thực hành về trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống.**  **1. Chuẩn bị:**  (Học sinh chuẩn bị bài ở nhà theo nhóm) |
| **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  HS thực hiện yêu cầu của GV theo nhóm ở nhà.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận**  **Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.** |  |
| **Nhiệm vụ 2: Thực hành**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**:  ? HS dựa vào dàn ý để trình bày bài nói theo cá nhân.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  HS chuẩn bị bài nói cá nhân.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận**  + HS thực hiện bài nói của bản thân trước lớp.  + HS khác chú ý lắng nghe.  **Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.**  **- Người nói:**  + Trình bày bài nói;  + Sử dụng điệu bộ, cử chỉ tự nhiên;  + Điều chỉnh giọng điệu phù hợp.  - Người nghe:  + Tập trung và nắm được thông tin;  + Sử dụng ánh mắt khích lệ người nói. | **2. Thực hành nói và nghe**  **Dàn ý:**  \* Mở đầu: Nêu tình yêu nước của cả 3 văn bản  \* Nội dung chính:  - Lòng yêu nước của cả 3 văn bản.  - Lí lẽ vì sao đó là biểu hiện của lòng yêu nước.  \* Kết thúc: Khẳng định lại vấn đề và liên hệ cuộc sống ngày nay. |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  - Sau khi HS trình bày bài nói.  - HS khác nhận xét, bổ sung ý kiến theo bảng kiểm kĩ năng nói và bảng tự kiểm kĩ năng nghe theo mẫu.  - Cuối giờ học, HS hoàn thành cột L trong bảng KWL.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS đánh giá theo các tiêu chí.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức.**  GV nhận xét, cho điểm dựa theo các tiêu chí của bảng kiểm. | **3. Tự đánh giá** |
| \* **Bảng kiểm tra kĩ năng nói:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Nội dung kiểm tra** | **Đạt** | **Chưa đạt** | | Có nêu đúng các biểu hiện về lòng yêu nước trong 3 văn bản không? |  |  | | Ý kiến người nói trình bày có thuyết phục không? |  |  | | - Nói rõ ràng, âm lượng phù hợp, kết hợp lời nói và cử chỉ, ánh mắt, điệu bộ, hình ảnh (nếu có sử dụng). Đảm bảo thời gian quy định. |  |  | | - Trả lời các câu hỏi của người nghe (nếu có). |  |  | | \* **Bảng tự kiểm tra kĩ năng nghe:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Nội dung kiểm tra** | **Đạt** | **Chưa đạt** | | - Nắm và hiểu được nội dung chính phần trình bày bài nói của bạn. |  |  | | - Đưa ra được những nhận xét được về ưu điểm hay điểm hạn chế của trong phần trình bày của bạn. |  |  | | - Thái độ chú ý tôn trọng, nghiêm túc, động viên khi nghe bạn trình bày. |  |  | |

**HOẠT ĐỘNG 3: Luyện tập, vận dụng**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng các kiến thức vào thực tiễn cuộc sống

**b. Nội dung:** HS tự chuẩn bị và thực hành nói và nghe trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống với người thân, bạn bè ngoài cuộc sống

**c. Sản phẩm:** Sản phẩm bài nói, dự kiến bài trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ**

*? Nói với người thân trong gia đình về tình yêu với quê hương em.*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS chuẩn bị nội dung bài nói

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**: Thực hành nói với người thân (ở nhà)

**Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức:** GV nhận xét, cho điểm phần chuẩn bị bài nói của HS (giờ học sau).